



Bản tin

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

Số 03 - 2010

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÀO CAI



Chuyên san về:

Đánh giá kết quả thực hiện đề án
"Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010"

LƯU HÀNH NỘI BỘ



Đề tài nghiên cứu tuyển chọn và xây dựng mô hình phát triển một số giống cà chua vụ hè thu trong nhà màng Izora tại Sa Pa.



Đề tài thử nghiệm sản xuất một số giống hoa lan Sa Pa bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào.



**Giống
J0-1**

Đề tài khảo nghiệm một số giống lúa japonica chất lượng cao có khả năng chịu rét tại Sa Pa.



MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THỨC ĐẨY KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA LÀO CAI PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

TS. Nguyễn Quốc Trị

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Lào Cai

Trong những năm qua, hoạt động khoa học và công nghệ Lào Cai đã có những chuyển biến tích cực. Tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh không ngừng phát triển, đã có những đóng góp nhất định trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Những ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đã đem lại hiệu quả kinh tế quan trọng trong một số lĩnh vực như công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, y tế, giáo dục; nhất là trong sản xuất nông nghiệp, khoa học và công nghệ đã tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng của sản phẩm. Các nhiệm vụ khoa học đã được triển khai hướng vào những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của tỉnh như chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, văn hoá... theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đã có hàng trăm đề tài, dự án và nhiều sáng kiến khoa học được nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao dân trí, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Tuy nhiên, công tác khoa học và công nghệ của tỉnh còn có mặt hạn chế. Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội chưa đầy đủ,

toàn diện. Việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả chưa cao. Việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ còn chậm, chưa đồng bộ. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học chưa đồng đều, thiếu những cán bộ khoa học giỏi, cán bộ kỹ thuật có trình độ, tay nghề cao,...

Trước yêu cầu mới về phát triển kinh tế - xã hội và tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 cần phải trở thành yếu tố then chốt khai thác hiệu quả những nguồn tài nguyên thiên nhiên, phát huy tốt nhất truyền thống văn hoá, ý thức tự cường và tình yêu quê hương, nhằm tạo ra một năng lực cạnh tranh đủ mạnh để cùng với các tỉnh bạn trong cả nước hội nhập thành công vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Vì vậy, **định hướng mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH&CN trong giai đoạn này** là: “*Cần đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống. Coi khoa học công nghệ là yếu tố quan trọng có tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp*

để tăng giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác. Khuyến khích đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, khai thác chế biến khoáng sản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Hướng mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ các chương trình, kế hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các lĩnh vực then chốt mũi nhọn. Bên cạnh đó là đổi mới chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động khoa học và công nghệ. Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ có trình độ cao. Quan tâm xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động khoa học công nghệ. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong việc chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ”.

Để đạt được những mục tiêu trên, cần thực hiện tốt các nhóm hệ thống giải pháp toàn diện và đồng bộ sau:

1. Nhóm giải pháp gắn KH&CN với phát triển kinh tế - xã hội:

Phát triển KH&CN phải góp phần đẩy nhanh quá trình CNH-HDH của tỉnh theo hướng phát triển bền vững, nhằm đạt được các mục tiêu phát triển KT-XH giai đoạn 2011 - 2020. Khoa học và công nghệ góp phần phát triển các lĩnh vực mũi nhọn, khâu đột phá trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, như nông nghiệp và phát triển nông thôn, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, quản lý bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái... cụ

thể trong lĩnh vực này cần tập trung các nội dung sau:

KH&CN góp phần phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn:

Hình thành và phát triển những vùng kinh tế nông nghiệp điển hình như: vùng trồng rau, hoa; cây công nghiệp, lâm nghiệp và vùng nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tuyển chọn các giống cây, giống con, lai tạo và nhập một số giống cây, con có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao vào các vùng quy hoạch cũng như thử nghiệm một số giống cây, con mới vào một số vùng trên địa bàn tỉnh.

Áp dụng các tiến bộ KH&CN vào thâm canh, gia tăng sản lượng, phòng trừ sâu hại, dịch bệnh cho các loài cây trồng, vật nuôi, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp tỉnh Lào Cai.

Cần chú trọng đến khoanh nuôi bảo vệ, nghiên cứu chọn lựa những loài cây rừng có giá trị kinh tế và sinh thái cao đảm bảo an toàn môi trường sinh thái đồng thời nâng cao đời sống của những người dân làm công tác nghề rừng của Tỉnh.

Nghiên cứu đưa các tiến bộ về giống, các mô hình thâm canh, xen canh để tăng năng suất và chất lượng, đặc biệt là vùng trồng rau, hoa.

Nghiên cứu, đầu tư để phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo việc tưới tiêu cho cây trồng trên địa bàn Tỉnh.

KH&CN góp phần phát triển Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Nghiên cứu, lựa chọn, chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ cho một số ngành công nghiệp khai thác và chế biến, nâng cao giá trị gia tăng phục vụ tiêu dùng trong nước, khả năng cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường trong nước và quốc tế.

Nghiên cứu đưa tiến bộ KH&CN vào chế biến nông, lâm sản.

Áp dụng tiến bộ KH&CN trong việc tạo ra ngành nghề mới. Hình thành các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Nghiên cứu áp dụng KH&CN vào các ngành nghề nông thôn.

Giải pháp KH&CN góp phần phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, quản lý, bảo vệ tài nguyên và cải thiện môi trường sinh thái.

Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới trong điều tra cơ bản, đánh giá hiện trạng làm cơ sở cho việc khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên của tỉnh; hạn chế, ngăn chặn xử lý suy thoái, ô nhiễm môi trường đặc biệt là trong các cơ sở sản xuất tập trung, các làng nghề.

Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ và phương pháp hiện đại trong quan trắc, thu thập, xử lý và quản lý các dữ liệu và tài nguyên và môi trường.

Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ KH&CN mới nhất trong việc phòng, chống những ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu như lũ quét, sạt lở đất và hạn hán.

Nghiên cứu các giải pháp xã hội hóa quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Nghiên cứu các vấn đề môi trường nhân văn làm cơ sở cho các quyết sách của lãnh đạo địa phương về phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

2. Nhóm giải pháp nhằm tăng cường tiềm lực KH&CN của tỉnh:

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và thông tin cho hoạt động KH&CN, khai thác, tận dụng năng lực KH&CN trong nước và quốc tế. Tạo môi trường thể chế và các chính sách thích hợp như: chính sách tiền lương, phụ cấp, thu nhập, chính sách nhà ở, hưởng lợi từ những đóng góp về KH&CN được ứng dụng vào sản xuất,... để thu hút cán bộ KH&CN trẻ, các chuyên gia ngoài tỉnh đến công tác ở Lào Cai.

Nâng cấp tổ chức KH&CN hiện có, đặc biệt là Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN của Tỉnh, chủ yếu theo hướng tăng cường đầu tư tiềm lực như nâng cấp thiết bị, bổ sung cán bộ KH&CN chuyên môn, đầu tư xây dựng các trại thực nghiệm và đảm bảo các điều kiện tối thiểu cho các hướng nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm, khảo nghiệm, phổ cập công nghệ và tăng cường liên kết trong hoạt động KH&CN.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, tăng cường đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề cao. Quan tâm đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ đảm bảo đủ năng lực quản lý, năng lực điều hành đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

3. Nhóm giải pháp nhằm đổi mới cơ chế quản lý KH&CN của tỉnh.

Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước về KH&CN, tăng cường phối hợp giữa chính sách phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh với chính sách phát triển giáo dục đào tạo, chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn, công nghiệp và dịch vụ...; Tăng cường công tác quản lý KH&CN cấp huyện, thành phố của Tỉnh, trước mắt hình thành mạng lưới cán bộ quản lý chuyên trách hoạt động KH&CN cấp huyện.

Phân cấp rõ ràng trong lập kế hoạch phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh; Công khai các quy chế tuyển chọn các cơ quan, tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện các đề tài, dự án cấp tỉnh; Thể chế hoá việc tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ, lấy kết quả ứng dụng vào thực tiễn, đời sống và quản lý xã hội làm chỉ số đánh giá chủ yếu.

Tăng cường hiệu quả hoạt động của Hội đồng KH & CN tỉnh, các huyện thị; củng cố và sắp xếp lại cơ quan quản lý KH&CN ở tỉnh và các huyện, thị phù hợp với những yêu cầu mới, nhu cầu phát triển mới về KH&CN, đảm bảo thu thập, xử lý cũng như tham mưu tốt cho công tác lãnh đạo và quản lý thống nhất và thông suốt các hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

4. Nhóm giải pháp KH&CN trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Hình thành các nhiệm vụ KH&CN mới hoặc ứng dụng các thành tựu KH&CN đã có nhằm thích ứng và giảm

thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng KH&CN trong việc khắc phục, giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu gây nên.

Chú trọng xử lý môi trường triệt để. Khuyến khích phát triển các dự án trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, giảm thiểu khả năng tổn thương của rừng hiện nay để giúp nâng cao khả năng phục hồi trước những tác động của biến đổi khí hậu. Bảo tồn và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học công nghệ trong lai, ghép, tạo giống mới. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu. Ứng dụng khoa học công nghệ tưới tiết kiệm nước, kỹ thuật canh tác nông nghiệp tăng sản lượng và giảm nhẹ khí mê-tan. Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục môi trường, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Để KH&CN trở thành yếu tố then chốt, là động lực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải thực sự coi phát triển khoa học và công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính trị và nội dung lãnh đạo chủ yếu. Chú trọng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong từng ngành, hiệu quả cho sản xuất, đời sống, quốc phòng và an ninh. Chú trọng tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý, đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu khoa học hướng vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương./. **N-Q-T**

Hiệu quả từ đề tài, dự án nghiên cứu khoa học giai đoạn 2006 - 2010 lĩnh vực văn hoá xã hội tỉnh Lào Cai

TS. Trần Hữu Sơn

Giám đốc Sở VHTT và Du lịch Lào Cai

Trong 5 năm qua (2006 - 2010), Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch đã thực hiện thành công 5 đề tài nghiên cứu khoa học, đem lại hiệu quả thiết thực cho xã hội, góp phần không nhỏ cho sự nghiệp phát triển văn hoá bền vững trong những năm tiếp theo. Đặc biệt luôn chú ý đảm bảo quyền được hưởng lợi từ các đề tài cho chính người dân - chủ thể văn hoá, chủ thể sáng tạo và gìn giữ các giá trị văn hoá. Trong 5 đề tài nghiên cứu thì có đến 4 đề tài là nghiên cứu ứng dụng, 1 đề tài mang tính nghiên cứu lý thuyết hàn lâm nhưng nội dung lại có tính ứng dụng rất cao, rất cần thiết và có ý nghĩa đối với lĩnh vực văn hoá - xã hội của tỉnh. Đặc biệt có 2 đề tài là *“Sổ tay hướng dẫn du lịch tại Lào Cai”* và *“Các dân tộc ở Lào Cai”* có vị trí vô cùng quan trọng đối với ngành và tỉnh. **Đó là 2 cuốn cẩm nang dành tặng cho tất cả các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách, du khách muốn tìm hiểu Lào Cai, có thể xem như là giáo trình giảng dạy trong nhà trường.**

Về kết quả đạt được:

Thực hiện thành công 5 đề tài gồm có: “Các nhân tố tác động đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội đối với cộng đồng người Hmông và những giải pháp phát triển bền vững”; “Sưu tầm, bảo tồn

di sản múa dân tộc Hmông, Dao, Hà Nhì ở Lào Cai phục vụ phát triển du lịch”; “Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng người Dao đỏ tại thôn Nậm Cang 1 xã Nậm Cang huyện Sa Pa”; nghiên cứu xây dựng bản thảo cuốn sách “Sổ tay hướng dẫn du lịch tại Lào Cai”; Xây dựng bản thảo cuốn sách “Các dân tộc ở Lào Cai”. Đề tài này đang trong quá trình hoàn thiện và là công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIV (nhiệm kỳ 2010 - 2015).

Những kết quả sản phẩm đề tài đều được Hội đồng khoa học tỉnh Lào Cai đánh giá và xếp loại xuất sắc và khá.

Hiệu quả của các đề tài:

Hầu hết các đề tài do Sở Văn hoá TT&DL thực hiện đều là các đề tài mang tính chất ứng dụng rất cao, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần xoá đói giảm nghèo cho người dân trên cơ sở khai thác và phát huy các giá trị di sản văn hoá. Qua quá trình triển khai đề tài cũng như thực tiễn ứng dụng đã tạo ra những bước chuyển biến mới, khẳng định mục tiêu “biến di sản thành tài sản” do Sở đề ra là một định hướng đúng đắn.

Đóng góp cho công tác nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu, ứng dụng:

Xác định rõ yếu tố làm nên sự thành công của đề tài đó là việc xây dựng các

khung lý thuyết và lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp. Nhất là các đề tài mang tính ứng dụng thì yêu cầu đó càng phải thực hiện nghiêm túc, đòi hỏi tính khoa học và ứng dụng cao khi triển khai và khả năng áp dụng rộng rãi vào thực tiễn. Vì thế, việc xây dựng thành công các khung lý thuyết, luận cứ, luận điểm khoa học, mẫu phiếu điều tra, bảng hỏi... của 5 đề tài không chỉ giới hạn trong khi triển khai 5 đề tài đó mà còn phục vụ cho quá trình nghiên cứu, ứng dụng lâu dài. Đó là đóng góp rất có ý nghĩa và tầm quan trọng trong nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn mà những năm qua Sở VHTT&DL không ngừng cố gắng và cống hiến.

Hiệu quả về mặt xã hội:

- Đề tài đã đánh giá thực trạng, nguyên nhân và đề xuất giải pháp giải quyết cụ thể nhằm tháo gỡ một số vấn đề xã hội tồn tại ở vùng người Hmông như: vấn đề di dịch cư tự do, theo đạo trái phép, tỷ lệ tái mù chữ cao của trẻ em Hmông, vấn đề tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống... làm cơ sở nghiên cứu, quản lý cho cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Nâng cao vai trò và vị thế của chủ thể nghiên cứu - chủ thể văn hoá sáng tạo và bảo tồn các giá trị văn minh bản địa của cộng đồng: Thông qua việc tham dự vào quá trình nghiên cứu, triển khai đề tài người dân tự nhận thức được giá trị của các bản sắc dân tộc, gìn giữ bản sắc văn hoá trong cộng đồng các dân tộc Lào Cai. Họ đã chủ động, tham gia tích cực vào quá trình gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá tộc người.

- Đề cao vai trò của các nghệ nhân, người am hiểu tri thức bản địa, người có uy tín trong cộng đồng, người nắm

giữ bí quyết nghề thủ công... tham gia tích cực vào quá trình bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá tộc người.

- Biên di sản thành tài sản góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người dân, cụ thể: người dân tham gia tích cực vào hoạt động du lịch (bán hàng thổ cẩm, dẫn khách du lịch, trình diễn các nghề thủ công...), xây dựng 03 đội văn nghệ đưa vào hoạt động hiệu quả (đội văn nghệ thôn Cát Cát, thôn Xả Xéng, thôn Bản Dền...).

- Nghiên cứu bảo tồn các tri thức bản địa của người Hmông, Dao, Hà Nhì... về bảo vệ rừng, tài nguyên nước...

Hiệu quả về mặt kinh tế:

- Phân tích thực trạng, làm rõ nguyên nhân vấn đề chậm phát triển kinh tế ở vùng người Hmông so với các dân tộc khác trên cùng địa bàn cư trú. Đề xuất xây dựng một số cơ chế chính sách phù hợp với vùng người Hmông góp phần xoá đói giảm nghèo.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở một số xã huyện Sa Pa như: Bản Hồ, Nậm Cang, Tả Van; xã Cán Hồ huyện Si Ma Cai; xã Lũng Phình, Trung Đô, Tả Van Chư huyện Bắc Hà... Ở những nơi này một bộ phận người dân chuyển từ hoạt động nông nghiệp thuần túy sang hoạt động dịch vụ du lịch thành công và nhiều hộ gia đình có nguồn thu nhập cao, điển hình như các hộ gia đình ở thôn Bản Dền xã Bản Hồ huyện Sa Pa và thôn Tả Van Giáy xã Tả Van...

- Xây dựng các điểm tuyến du lịch mới, toàn diện trên địa bàn toàn tỉnh khai thác tiềm năng các giá trị văn hoá

(vật thể và phi vật thể) kết hợp với việc quảng bá các đặc sản vùng miền thực hiện chương trình “biến di sản thành tài sản” đem lại hiệu quả kinh tế trước mắt và bền vững cho chính người dân và sự nghiệp phát triển kinh tế chung của tỉnh.

- Các tiết mục, chương trình văn nghệ trong phạm vi biểu diễn múa và âm nhạc dân gian tại các địa điểm thực hiện đề tài đã trở thành sản phẩm du lịch, là động lực thu hút khách du lịch thăm quan thưởng thức giá trị văn hoá cội nguồn của dân tộc mang tính đặc thù. Nếu như năm 1994 Lào Cai đón khoảng 30.000 lượt khách tham quan thì sau hơn 12 năm lượng khách đã tăng lên đến gần 500.000 lượt người. Với lượng khách đến với Lào Cai ngày càng đông như vậy, đó chính là những thuận lợi cho việc phát triển nhiều loại hình dịch vụ du lịch đẩy mạnh kinh tế của người dân Lào Cai lên một bước mới. Theo điều tra khảo sát về nhu cầu thưởng thức văn hoá văn nghệ của khách du lịch đến với các địa phương như Tả Phìn, Sa Pa, Hồ... năm 2007 thì có tới 70% du khách muốn xem các tiết mục văn nghệ truyền thống, đặc biệt là các tiết mục múa dân gian các dân tộc đã dàn dựng được du khách đánh giá cao và rất hứng thú.

Đóng góp cho sự phát triển của ngành:

- Các đề tài đã đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể các dân tộc Lào Cai, gắn kết với phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hoá vùng cao: xoá bỏ dần các hủ tục

lạc hậu kìm hãm sự phát triển ở các tộc người.

- Xây dựng được hệ thống ngân hàng dữ liệu về các dân tộc ở Lào Cai, phục vụ cho sự nghiệp phát triển văn hoá, tra cứu, nghiên cứu, giảng dạy... cho mọi đối tượng là người Việt Nam hay người nước ngoài muốn nghiên cứu tìm hiểu về các dân tộc vùng miền núi Tây bắc của Tổ quốc.

- Góp phần làm đa dạng thêm các tour du lịch, khả năng luân chuyển các tour, tuyến du lịch. Đánh thức những tiềm năng phong phú về du lịch nhân văn đang lưu giữ, tiềm ẩn trong cộng đồng.

- Khai thác các di sản múa và âm nhạc phục vụ cho hoạt động của ngành. Thông qua các tư liệu nghiên cứu, các nghệ sỹ đoàn nghệ thuật dân tộc đưa các điệu múa, âm nhạc múa dân tộc vào kịch bản, biểu diễn và quảng bá văn hoá các dân tộc Lào Cai trên phương diện sân khấu hoá. Các tiết mục đều đạt giải cao trong các hội thi, hội diễn văn hoá, thể thao dân tộc.

Ý nghĩa về mặt khu vực, quốc tế: .

Là tỉnh miền núi biên giới của Tổ quốc, Lào Cai là tỉnh giàu bản sắc văn hoá của 13 dân tộc với 25 nhóm ngành dân tộc. Các đề tài được triển khai thành công không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá các dân tộc Lào Cai mà khẳng định vị thế mạnh mẽ, tầm ảnh hưởng của tỉnh trong việc giao lưu văn hoá, quảng bá tiềm năng du lịch vùng biên giới quốc gia (Việt Nam) với Vân Nam (Trung Quốc) nói riêng và tổ chức, quốc gia khi đến Lào Cai (Việt Nam).

MỘT SỐ KẾT QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI TRONG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Trần Thị Mai Phương

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Lào Cai

Với chức năng là cơ quan quản lý Nhà nước về Sở hữu trí tuệ ở địa phương. Trong thời gian qua Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong công tác quản lý về Sở hữu trí tuệ, góp phần thúc đẩy việc khai thác và phát huy vai trò tác dụng của hệ thống Sở hữu trí tuệ và phát triển tài sản trí tuệ của các Doanh nghiệp để phục vụ tốt hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai.

Để đạt được một số kết quả trong công tác quản lý về Sở hữu trí tuệ có thể nói do nhiều yếu tố, nhưng trước tiên chung ta phải kể đến một yếu tố rất quan trọng đó là hiện nay hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (SHTT) đã ban hành tương đối đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với chuẩn mực Quốc tế, cụ thể như: Bộ luật Dân sự năm 2005 Luật số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 thay thế Bộ luật Dân sự năm 1995 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006; Luật Sở hữu trí tuệ; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Nghị định 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định về bảo vệ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công

nghiệp; Nghị định 106/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về Sở hữu công nghiệp. Quyết định 68/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ...

Trên cơ sở hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về SHTT đã được ban hành, với chức năng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lĩnh vực Sở hữu trí tuệ nói chung và sở hữu công nghiệp nói riêng. Trong những năm qua, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh quyết định nhiều chủ trương, chính sách và ban hành một số văn bản quan trọng như: Nghị quyết số 23/2007/NQ-HĐND ngày 14/12/2007 của HĐND tỉnh về việc thông qua Chính sách khuyến khích ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2008 - 2010; Chỉ thị số 04/2007/CT-UBND ngày 10/10/2007 của UBND tỉnh về tăng cường quản lý Nhà nước đối với

hoạt động bảo hộ quyền Sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong giai đoạn hiện nay; Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND ngày 19/3/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách khuyến khích ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2008 - 2010;

Đồng thời Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì và phối hợp với các ngành xây dựng Chương trình hành động 256/VHTT-KHCN-NNPTNT-TC-TM-CA về hợp tác phòng chống và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2006 - 2010 giữa 6 đơn vị gồm: Sở Văn hoá - Thông tin (Nay là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch); Sở Thương mại - Du lịch (Nay là Sở Công thương); Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính và Công an tỉnh.

Trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về SHTT là nhiệm vụ được Sở Khoa học và Công nghệ rất quan tâm và thực hiện tốt. Với việc thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông với nhiều hình thức phong phú, những kiến thức pháp luật về SHTT đã được triển khai và thu hút được nhiều đối tượng tham gia, góp phần nâng cao nhận thức về lĩnh vực này cho mọi đối tượng. Trong thời gian qua, Sở KH&CN đã chủ trì tổ chức được 03 khoá tập huấn về Sở hữu công nghiệp (SHCN) thu hút khoảng trên 150 người là những cán bộ quản lý thuộc các tổ chức, doanh nghiệp,... và nhân dân trên địa bàn tỉnh tham gia. Từ đó, góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, sự cần thiết của việc đăng ký xác lập quyền SHTT; và hướng dẫn thủ tục

đăng ký; kỹ năng thiết kế nhãn hiệu, kỹ năng tra cứu cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đã tổ chức hướng dẫn, giúp đỡ cho khoảng trên 50 tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh thủ tục hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Qua thống kê ban đầu, hiện nay, Lào Cai đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp 72 văn bằng về Sở hữu Công nghiệp (chủ yếu là Nhãn hiệu hàng hoá cho các sản phẩm nông lâm nghiệp của địa phương). Riêng trong giai đoạn 2006 - 2010, có 58 Giấy Chứng nhận Nhãn hiệu hàng hoá cho các sản phẩm nông lâm nghiệp và các sản phẩm kinh doanh dịch vụ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Công tác kiểm tra, thanh tra về SHTT cũng được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên và kịp thời. Thời gian qua, Sở KH&CN đã kịp thời và chủ động phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng xử lý nhiều vụ xâm phạm về nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp. Từ năm 2006 - 2010, đã xử lý trên 4 vụ xâm phạm quyền SHTT, tổng số tiền phạt trên 2.500.000đ, tịch thu 562 chai (vỏ chai rượu San Lùng), xử lý nhiều phương tiện, tang vật vi phạm hành chính khác. Đặc biệt trong năm 2009, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng kịp thời xử lý vụ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu "Rượu San Lùng" đã được bảo hộ của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa và lô hàng mang nhãn hiệu Shanlùng" của công ty cổ phần gỗ Pơ Mu và sản xuất

rượu San Lùng (162, tổ 14, thị trấn Cầu Diên, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội) và chi nhánh phía Nam (492 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP. HCM) ở quy mô lớn; đã tạm giữ 150 thùng sản phẩm, 1.000 vỏ chai, 100kg nhãn mác hàng hoá các loại, 2.500 nút chai nhôm, niêm phong toàn bộ số rượu còn lại, tạm thời đình chỉ việc sản xuất của công ty, kịp thời ngăn chặn được hành vi làm nhái nhãn hiệu “Rượu San Lùng” nhằm bảo vệ và phát triển nhãn hiệu “Rượu San Lùng” của tỉnh.

Bên cạnh những hoạt động chuyên môn về QLNN trong lĩnh vực SHTT, Sở Khoa học và Công nghệ còn tổ chức, thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và người dân trong việc xây dựng, khai thác, xác lập và bảo vệ quyền SHTT. Sở đã chủ động đề xuất một số nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp (theo Quyết định số 68/2005/QĐ-TTg ngày 4/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ) nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt là các doanh nghiệp chủ lực sản xuất, kinh doanh các mặt hàng có tiềm năng xuất khẩu, xây dựng, xác lập, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ các địa phương có sản phẩm đặc sản xây dựng, quản lý và phát triển giá trị quyền sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc sản của địa phương. Riêng năm 2010, được sự quan tâm, giúp đỡ của Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN), UBND tỉnh, Sở đã phối hợp với một số cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện 02 dự án là: Dự án “Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT trên đài PT-TH tỉnh Lào Cai” và

Dự án “Tạo lập và phát triển nhãn hiệu tập thể Ngọn su su Sa Pa cho sản phẩm Ngọn su su của huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai”, cả 2 dự án đều thực hiện trong 2 năm 2010 - 2011. Qua các hoạt động của Dự án, những kiến thức pháp luật về SHTT được tuyên truyền rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân; các nhãn hiệu mạnh của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh được tôn vinh, quảng bá...; những sản phẩm đặc sản, sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh được hỗ trợ xác lập quyền bảo hộ SHTT góp phần quản lý và phát triển chất lượng, thị trường của sản phẩm đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người sản xuất và kinh doanh su su Sa Pa thúc đẩy nghề sản xuất rau su su Sa Pa phát triển tăng thu nhập ổn định cho người sản xuất góp phần xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhìn chung, những kết quả đạt được trong thời gian qua đã khẳng định hoạt động Quản lý Nhà nước về Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã từng bước vào nề nếp và có hiệu quả. Góp phần nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp và cộng đồng về: Ý thức bảo vệ tài sản trí tuệ, tầm quan trọng của hoạt động sở hữu trí tuệ; nâng cao kiến thức pháp luật về Sở hữu trí tuệ; hạn chế vi phạm quyền Sở hữu trí tuệ của người khác, góp phần tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế và góp phần bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác QLNN về sở hữu trí tuệ vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Số lượng các tài sản trí tuệ được

bảo hộ còn hạn chế, tình trạng vi phạm, xâm phạm quyền SHTT còn tồn tại khá phổ biến không chỉ với việc vi phạm quyền SHTT của các sản phẩm trong tỉnh mà các sản phẩm “nhập khẩu” vào thị trường Lào Cai,...

Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do nhận thức và hiểu biết những kiến thức pháp luật về SHTT của một số tổ chức và người dân còn hạn chế, do công tác tuyên truyền còn chưa thực sự sâu, rộng cho mọi người dân và các doanh nghiệp; Hệ thống chính sách hỗ trợ, khuyến khích về SHTT còn thiếu và chưa đồng bộ... Do vậy, người dân, doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh trong tỉnh còn thiếu những thông tin pháp luật về SHTT,... và mặt khác do nhu cầu lợi nhuận kinh tế nên tình trạng vi phạm, xâm phạm quyền SHTT; nạn làm hàng giả, hàng nhái... có điều kiện tồn tại.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả Quản lý Nhà nước về Sở hữu trí tuệ góp phần bảo vệ quyền lợi của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ cũng như bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh và tham gia tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện tốt một số nội dung như:

- Thường xuyên đổi mới phương thức hoạt động, phương thức tổ chức, quản lý về SHTT;

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất tham mưu cho các cấp có thẩm quyền quyết định ban hành những chủ trương, chính sách khuyến khích về KH&CN, SHTT góp phần quản lý và phát triển chất lượng cũng như thị trường cho các sản

phẩm “đã, đang và sẽ” được bảo hộ quyền SHTT nhằm tham gia tạo lập một môi trường sản xuất, kinh doanh lành mạnh cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp tục và thường xuyên đổi mới phương thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về SHTT, tích cực xây dựng và duy trì các chuyên mục, chuyên đề quảng bá, tôn vinh hình ảnh các sản phẩm được bảo hộ Quyền SHTT... trên các phương tiện thông tin, truyền thông như: hệ thống đài PT-TH của tỉnh, Báo Lào Cai, hệ thống các Website, cổng thông tin điện tử của tỉnh...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo đối với các vi phạm về SHTT, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan triển khai có hiệu quả các hoạt động thực thi, bảo vệ quyền SHTT, hạn chế hàng nhái, hàng giả nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý đang diễn ra ngày càng phức tạp, thì Luật sở hữu trí tuệ mới thật sự đi vào cuộc sống.

Thực hiện tốt một số nội dung trên, vai trò QLNN về SHTT sẽ được phát huy một cách mạnh mẽ và tham gia tốt hơn vào công tác bảo vệ quyền lợi của các chủ thể sở hữu trí tuệ và người tiêu dùng. Đồng thời góp phần tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, các cá nhân là chủ thể SHTT phát huy và khai thác được thế mạnh của sản phẩm ở địa phương, tiến tới nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của cả nước.

T-T-M-P

BẢO THẮNG VỚI HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Vũ Văn Tuấn

Phó Chủ tịch UBND huyện Bảo Thắng

Giai đoạn 2006 - 2010 huyện Bảo Thắng có nhiều chương trình, đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh, cấp cơ sở được triển khai thực hiện. Phần lớn các chương trình tập trung nghiên cứu, nuôi trồng thử nghiệm giống cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật thâm canh, chuyển đổi cơ cấu thời vụ, ứng dụng các biện pháp mới trong phòng trừ BVTV... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Kết quả nhiều công trình được ứng dụng, áp dụng thúc đẩy thành vùng như: vùng chè nguyên liệu, vùng trồng cây chuối cấy mô, vùng trồng cây cao su, chăn nuôi trâu, bò, lợn tập trung... đã góp phần xoá đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định trật tự an ninh, an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên kết quả đạt được nêu trên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu xu thế phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bảo Thắng. Các hoạt động này còn hạn chế về tiềm năng như về kinh tế rừng (tuy có một số nhà máy, doanh nghiệp chế biến lâm sản lớn được hình thành nhưng hoạt động chưa hiệu quả, chưa đem lại hiệu quả kinh tế cho nông dân), phát triển cây con giống đặc sản vẫn chưa được phát huy, vùng chuyên canh chưa nhiều, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá chưa cao, công tác bảo quản chế biến sản phẩm sau thu hoạch chưa sâu, còn nhiều lúng túng.

Từ thực tiễn phát triển kinh tế nông

ng nghiệp trên địa bàn huyện Bảo Thắng đang đòi hỏi phải nhanh chóng hình thành nhiều cơ sở sản xuất hàng hoá quy mô lớn có sức cạnh tranh và sản phẩm chất lượng cao, chính vì vậy việc liên kết chặt chẽ giữa nhà khoa học - doanh nghiệp - hộ nông dân là một vấn đề cần phải được quan tâm ngay từ cấp cơ sở.

Trong những năm qua và định hướng phát triển trong những năm tới, huyện Bảo Thắng xác định phải thực sự coi nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật là nguồn lực mạnh mẽ, là giải pháp then chốt trong việc hình thành nhiều cơ sở kinh doanh có quy mô lớn, có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường. Từ những kết quả định hướng trên đã cụ thể bằng các dự án thành công như: Phát triển thủy sản tại xã Phú Nhuận, trồng chè tập trung tại thị trấn Phong Hải, Phú Nhuận và đặc biệt là phát triển đàn lợn hướng nạc. Cụ thể là:

*** Về giống:** Xu thế chăn nuôi lợn hiện nay đang chú trọng chăn nuôi giống lợn ngoại, lợn lai khả năng sinh trưởng, phát triển nhanh, tỷ lệ nạc cao như giống lợn nái Móng Cái, lợn lai F1.

*** Về thức ăn:** Người chăn nuôi cũng đã áp dụng khoa học kỹ thuật để pha trộn thức ăn, cho ăn theo tiêu chuẩn, khẩu phần thích hợp của từng loại lợn và độ tuổi. Đối với chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp; sử dụng hoàn toàn bằng thức ăn công nghiệp; chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp sử dụng

một phần thức ăn công nghiệp kết hợp với thức ăn sẵn có tại địa phương để hạ giá thành thức ăn.

*** Về công tác thú y:** Hướng dẫn các trang trại, hộ chăn nuôi làm chuồng trại đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh. Lồng ghép với chương trình dự án khí sinh học của tỉnh, hỗ trợ cho các trang trại xây dựng bể khí biogas để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng có hiệu quả chất thải chăn nuôi; tiêm phòng triệt để các loại vắc xin cho đàn lợn theo quy định của ngành thú y. Phát hiện và chữa trị kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra, không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng; kiểm dịch, kiểm soát chặt chẽ việc nhập con giống, sản phẩm từ lợn

*** Kết quả đạt được từ dự án:**

- Năm 2006 dự án hỗ trợ 250 con lợn nái Móng Cái, đến nay đã sinh sản được 8.200 con lợn F1, vượt 9,3% so với dự án đề ra; đồng thời đã phát triển một số trang trại chăn nuôi có quy mô lớn như: trang trại chăn nuôi hộ ông Lê Mạnh Quý, xã Sơn Hà (quy mô chăn nuôi >100 con lợn thịt, 40 - 60 con lợn nái) hộ ông Nguyễn Xuân Trường, xã Sơn Hải (quy mô >150 con lợn thịt, khoảng 60 con lợn nái).

- Ngoài ra dự án còn hỗ trợ 10 con lợn F1, đến nay đã sản sinh ra 350 con lợn F2, vượt 16,6% so với dự án đề ra

- Đã nhân rộng nhiều mô hình nuôi lợn siêu nạc theo hướng công nghiệp. Hàng năm huyện xuất bán đi tỉnh Lai Châu trên 3 ngàn con lợn thịt và cung cấp khối lượng lớn thực phẩm cho thành phố Lào Cai và các huyện bạn trong tỉnh.

- Việc thực hiện dự án đã góp phần phổ cập được kiến thức sâu rộng cho người chăn nuôi, tạo ra nhiều mô hình

chăn nuôi lợn tốt, kích thích tạo đà phát triển chăn nuôi lợn theo hướng thâm canh, giảm việc nhập con giống từ nơi khác đến, tránh được nhiều bệnh tật.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được đáng phấn khởi đó chúng ta còn một số vấn đề tồn tại cần khắc phục, như:

- Việc chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi còn ở phạm vi hẹp; chăn nuôi chưa tạo thành vùng tập trung quy mô lớn.

- Công tác giống chưa được quản lý chặt chẽ và quy hoạch thống nhất của các ngành, các cấp.

- Công tác kiểm soát không chế dịch bệnh còn gặp nhiều khó khăn do: sản xuất con giống tại chỗ không đủ đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.

Trong thời gian tới Huyện có một số kiến nghị - đề xuất:

- Đề nghị tỉnh mở lớp đào tạo về chuyên môn khoa học & công nghệ cho các cán bộ đang làm công tác kiêm nhiệm trên lĩnh vực KHCN;

- Đề nghị hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng phục vụ công tác chăn nuôi với quy mô lớn hoặc cấp đất, giao đất cho các trang trại có hướng chăn nuôi trang trại tập trung;

- Đề nghị hỗ trợ các trang trại xây dựng chuồng trại, con giống. Tăng cường công tác thông tin giúp các cơ sở, hộ chăn nuôi nắm bắt thị trường (nhu cầu, giá cả thức ăn chăn nuôi, giá lợn thịt xuất chuồng...) để người chăn nuôi có hướng đầu tư hiệu quả; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm;

- Đề nghị tỉnh có chính sách, cơ chế phát triển cơ sở vật chất và thông tin khoa học & công nghệ phục vụ cho hoạt động KHCN.

MỘT SỐ THÀNH TỰU VỀ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2006 – 2010

Ths. Phạm Thị Hồng Loan

Phó Giám đốc Sở KH&CN Lào Cai

Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định phát triển Khoa học và Công nghệ (KH&CN) là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Trong những năm qua các cấp uỷ Đảng và chính quyền tỉnh Lào Cai luôn quan tâm đến sự phát triển Khoa học và Công nghệ, tập trung đầu tư cho việc nghiên cứu, ứng dụng KH&CN nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực trên mọi mặt sản xuất và đời sống, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, giữ vững an ninh - quốc phòng.

Năm năm qua các chương trình Khoa học và Công nghệ đều xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, các nhiệm vụ bám sát vào Đề án phát triển KH&CN giai đoạn 2006 - 2010, theo hướng chủ đạo là nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống nhằm tạo ra sản phẩm đạt năng suất, chất lượng. Nhiều tiến bộ Khoa học và Công nghệ đã được ứng dụng thiết thực vào sản xuất và đời sống.

Trong lĩnh vực Nông nghiệp Nông thôn, Khoa học và Công nghệ hết sức chú trọng đến công tác giống, từ việc nghiên cứu, ứng dụng thành công các giống cây trồng, vật nuôi mới đã chuyển đổi cơ cấu mùa vụ làm tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích nuôi trồng góp phần tăng giá trị sản xuất nông nghiệp,

cải thiện tích cực đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Hơn nữa việc nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN đã khai thác và phát huy được tiềm năng thế mạnh của Tỉnh, là vùng có địa hình bị chia cắt mạnh tạo ra các tiểu vùng khí hậu đặc trưng, đất có độ phì cao, màu mỡ, đa dạng rất thích hợp với các loại cây ôn đới, có lợi thế phát triển các đặc sản xứ lạnh mà các vùng khác không có được như: rau, hoa, quả, thảo dược và cá nước lạnh có giá trị kinh tế cao.

Nổi bật nhất trong lĩnh vực này là đã chọn tạo thành công được 03 giống lúa lai mới, mang thương hiệu Lào Cai, đó là các giống LC25, LC212, LC270; và điều đáng ghi nhận là các hoạt động này đều được thực hiện trong dân, trên 200 lượt nông dân đã được tập huấn kỹ thuật, bước đầu tạo ra các vùng chuyên canh sản xuất lúa giống; hàng năm đã sản xuất được 150 đến 180 tấn, riêng năm 2009 sản xuất được 315 tấn và vụ xuân năm 2010 đã sản xuất được trên 150 tấn hạt giống lúa các loại đáp ứng được một phần và dần chủ động cung ứng đủ nhu cầu về giống lúa cho nhân dân trong Tỉnh;

Từ kết quả việc chọn lọc, phục tráng giống lúa Ség cù Mường Khương, các hộ nông dân đã duy trì, phát triển ra các huyện khác như Bát Xát, Bắc Hà, Sa Pa với diện tích gần nghìn ha, sản lượng đạt

trên 5.000 tấn lúa/năm. Đến nay gạo Ség cù đã nổi tiếng trên thị trường, đã có thương hiệu, sản xuất không đủ cung ứng. Qua khâu phục tráng, bước đầu đã tạo cho người dân nhận thức rõ được giá trị kinh tế của các giống lúa đặc sản của địa phương nhằm hướng tới việc phát triển sản xuất hàng hoá.

Đối với cây chè là một cây công nghiệp tiềm năng của Tỉnh, đến nay toàn Tỉnh đã trồng được gần 4000 ha, trong đó ứng dụng giống sản xuất bằng phương pháp giâm hom khoảng hơn 2000 ha. Năng suất bình quân sau 3 năm trồng đạt trên 10 tấn/ha, có những diện tích đạt gần 20 tấn búp tươi. Ngoài ra, từ kết quả khảo nghiệm các giống chè nhập nội có chất lượng cao như giống chè Bát Tiên, Kim Tuyên, Hùng Đình Bạch là cơ sở khoa học thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển trồng những giống chè có chất lượng cao, xây dựng vùng nguyên liệu cho việc chế biến chè công nghệ cao phục vụ nhu cầu trong nước tiến tới xuất khẩu. Điển hình là Công ty TNHH Linh Dương đã trồng mới được trên 15 ha chè nguyên liệu chất lượng cao, đồng thời ứng dụng công nghệ chế biến chè Ô long với năng suất đạt 1,5 - 2 tấn chè tươi/ngày, sản phẩm chè của công ty đã được quảng bá rộng rãi trên thị trường trong nước.

Về cây ăn quả: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để cải tạo, phục tráng một số cây ăn quả có giá trị kinh tế như đào, mận, hồng, nho... tại hai huyện SaPa và Bắc Hà. Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật chiết ghép các loại cây ăn quả như nhãn, vải, đào, lê, xoài... đang ngày càng được mở rộng và từng bước đáp ứng một phần nhu cầu về giống cho nhân dân các địa phương trong Tỉnh và phục vụ cho các chương trình kinh tế sản xuất hàng hoá.

Một số mô hình trồng giống Đào May-crest và Lê Tai nung cho kết quả khả quan, cây sinh trưởng tốt, khả năng đậu quả cao, chất lượng khá, mẫu mã đẹp, và đặc biệt là ra quả sớm nên có triển vọng phát triển cao. Đến nay được nhiều hộ gia đình trong vùng có khí hậu ôn đới đã lựa chọn và ứng dụng trồng đại trà. Đối với giống lê Tai nung đã nhân rộng được 42,5 ha trên địa bàn 13 xã của 5 huyện, thành phố.

Cây hoa: Từ những mô hình trồng hoa chất lượng cao nhiều hộ gia đình đã đầu tư phát triển hàng trăm ha hoa tại Sa Pa, Bắc Hà. Hiện nay một số doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp đã và đang áp dụng công nghệ tiên tiến trong việc trồng, chăm sóc thu hái, bảo quản sau thu hoạch với nhiều giống hoa có giá trị kinh tế cao như hoa Ly, hoa Hồng, hoa Địa lan...; một số mô hình đã ứng dụng cây giống hoa lan bản địa được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào, kết quả cho thấy cây sinh trưởng tốt. Các mô hình này là cơ sở khoa học giúp các cấp, các ngành quy hoạch vùng trồng hoa có hiệu quả cao, góp phần đổi mới cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế cao, có khả năng mở rộng vùng sản xuất hàng hoá với quy mô ngày càng lớn.

Để tạo ra được nguồn rau an toàn, hiệu quả, thời gian qua đã hỗ trợ việc thực hiện trồng một số giống có triển vọng như cà chua trái vụ tại Sa Pa trên 3 mô hình ở Trung tâm nghiên cứu, nông hộ và Hợp tác xã, kết quả mô hình bước đầu cây sinh trưởng và phát triển tốt, hiệu quả kinh tế thu được cao gấp hàng chục lần so với các cây rau màu truyền thống khác của nhân dân bản địa.

Về chăn nuôi: Quan tâm phục tráng và phát triển những giống đặc sản, có giá

trị kinh tế cao như giống lợn Mường Khương, giống gà ác Hmông. Kết quả việc phục tráng giống lợn Mường Khương là cơ sở để chính quyền huyện, xã xây dựng kế hoạch phát triển đàn lợn của địa phương theo hướng sản xuất hàng hoá, đồng thời có giải pháp bảo tồn, phát triển đàn lợn quý của huyện. Đến nay, người dân vẫn tiếp tục duy trì, phát triển, hàng năm đã sản xuất được trên 2000 con lợn giống có chất lượng để cung ứng tại chỗ cho người chăn nuôi. Đồng thời, việc hỗ trợ lai tạo đàn nái nền Móng Cái với lợn đực ngoại bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo tại huyện Bảo Thắng, kết quả hàng năm đã sản xuất được trên 2000 con lợn giống mang $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{4}$ máu ngoại có chất lượng cao phục vụ người chăn nuôi trong vùng và đã tạo ra mô hình chăn nuôi bán công nghiệp tại hàng chục hộ gia đình với đàn lợn thịt hướng nạc lên đến hàng ngàn con mỗi lứa. Ngoài ra còn quan tâm cải tạo, phát triển đàn đại gia súc của địa phương, như Lai ngựa cái địa phương với ngựa đực 50% máu Cabadind để cải tạo đàn ngựa Bắc Hà (sau 3 năm thực hiện dự án đã tạo ra được trên 300 con ngựa lai khoẻ mạnh, sinh trưởng tốt trong điều kiện địa phương); như lai Sind nâng cao chất lượng đàn bò tại Bảo Thắng, Văn Bàn. Khảo nghiệm, xây dựng mô hình nuôi 192 đàn ong ngoại Italia tại xã Bảo Hà - Bảo Yên đã cho kết quả ong sinh trưởng tốt, thu hoạch sản lượng mật cao gấp 5 lần so với đàn ong nội địa. Riêng vụ xuân năm 2010 đã thu hoạch được 2 tấn mật và 8 kg sữa ong chúa.

Về thủy sản: Từ kết quả nuôi thử nghiệm giống cá Hồi Vân tại Sa Pa đến nay đã có nhiều doanh nghiệp, nhiều hộ gia đình ứng dụng rộng rãi việc nuôi cá

hồi vân tại các vùng có nguồn nước lạnh, hàng chục mô hình nuôi với sản lượng gần trăm tấn cá thịt mỗi năm. Điển hình là Công ty TNHH Thiên Hà với diện tích nuôi trồng khoảng 01 ha, năm 2009 đã cho thu hoạch trên 30 tấn cá thịt, và dự kiến năm 2010 cho thu trên 50 tấn; tổng doanh thu đạt 4,5 đến 7,5 tỷ/ha/năm. Ngoài ra, việc nhân giống cá các loại như cá giống chép lai V1, cá rô phi đơn tính đực... tiếp tục được duy trì phát triển, hàng năm có hàng triệu con cá giống đã được cung ứng cho các hộ nuôi trồng thủy sản, bước đầu tạo lập được uy tín trong nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi chương trình phát triển thủy sản của Tỉnh.

Các lĩnh vực khác cũng hết sức quan tâm đến việc ứng dụng khoa học và công nghệ để thúc đẩy phát triển, đó là: Trong lĩnh vực công nghiệp, một số doanh nghiệp, hợp tác xã đã đầu tư ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong chế biến và bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị của các sản phẩm nông sản trong Tỉnh. Việc xây dựng phát triển một số ngành nghề ở vùng cao cũng được quan tâm, như nghề nấu rượu; nghề dệt may thổ cẩm; chạm khắc bạc... tạo ra các sản phẩm phục vụ du lịch góp phần bảo tồn những di sản văn hoá truyền thống của các dân tộc tỉnh Lào Cai. Các thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời được nhân dân tiếp nhận và ứng dụng rộng rãi đặc biệt là các nhà hàng, khách sạn đã góp phần tiết kiệm được hàng trăm triệu đồng tiền điện mỗi năm; Trong Y tế: Tập trung vào vấn đề nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân, thời gian qua ngành Y tế của Tỉnh đã tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học, các công nghệ

mới nhằm nâng cao chất lượng và giảm chi phí điều trị cho bệnh nhân. Tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện đã lắp đặt các thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại đồng thời tổ chức chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu cho đội ngũ các y, bác sỹ để phục vụ bệnh nhân ngay tại Tỉnh. Các kỹ thuật mới được triển khai là chạy thận nhân tạo; phẫu thuật nội soi; nuôi cấy phân lập vi khuẩn, làm kháng sinh đồ; kỹ thuật điều trị bằng Lase nội mạch...

Trong 5 năm qua, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và công nghệ bước đầu đã trở thành động lực thúc đẩy sản xuất phát triển; góp phần tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng sản lượng hàng hóa, khẳng định hướng chuyển dịch cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ trong nông, lâm, thủy sản là hoàn toàn hợp lý và đúng hướng.

Trong thời gian tới, Lào Cai định hướng ứng dụng tiến bộ KH&CN toàn diện trên các mặt, khai thác và phát huy thế mạnh của địa phương nhằm góp phần phát triển kinh tế-xã hội:

1) Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN trong NN&PTNT.

- Nghiên cứu về quy hoạch sử dụng đất đai phù hợp với từng vùng và tiểu vùng sinh thái để hình thành và phát triển những vùng kinh tế nông nghiệp.

- Nghiên cứu, tuyển chọn các giống cây, con giống mới và nhập một số giống cây, con có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

- Ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào thâm canh, gia tăng sản lượng, phòng trừ sâu hại, dịch bệnh cho các loài cây trồng, vật nuôi, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp tỉnh Lào Cai.

2) Lựa chọn, chuyển giao công nghệ tiên tiến, phù hợp phục vụ công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp.

Nghiên cứu, lựa chọn, chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ cho một số ngành công nghiệp khai thác và chế biến nông, lâm sản, nâng cao giá trị gia tăng phục vụ tiêu dùng trong nước, khả năng cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường trong nước và quốc tế.

3) Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu

Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN mới nhằm hạn chế, ngăn chặn xử lý suy thoái, ô nhiễm môi trường; phòng, chống những ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu như lũ quét, sạt lở đất và hạn hán; khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Tỉnh.

4) Ứng dụng tiến bộ KH&CN Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

- Nghiên cứu áp dụng các chủ trương, chính sách, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước vào tình hình cụ thể của tỉnh Lào Cai.

- Nghiên cứu về nguồn nhân lực, bản sắc văn hóa các dân tộc và cải cách hành chính địa phương.

5) Ứng dụng tiến bộ KH&CN Trong phát triển vùng/khu/cụm và lĩnh vực ưu tiên đầu tư

- Cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc phát triển các vùng kinh tế, khu/cụm kinh tế trên địa bàn.

- Nghiên cứu những tác động kinh tế và xã hội của việc phát triển các vùng kinh tế, khu/cụm kinh tế trên địa bàn Tỉnh./.

P-T-H-L

NGÀNH NÔNG NGHIỆP LÀO CAI VỚI NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG NHỮNG CÔNG NGHỆ MỚI TRONG SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Phạm Đình Quê

Phó giám đốc Sở NN & PTNT Lào Cai

Trong những năm qua, Ngành Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Lào Cai đã thực hiện nhiều dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đã góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Tổng số đề tài, dự án đã thực hiện là: 50 đề tài, dự án nghiên cứu, khảo nghiệm và chuyển giao công nghệ.

Trong đó đề tài dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh là 37; dự án theo chính sách khuyến khích ứng dụng KH&CN là 10 dự án, phương án; 03 dự án thuộc chương trình NT&MN (kinh phí thực hiện do bộ KH&CN đầu tư); một số dự án thuộc các chương trình khác.

Một số kết quả nghiên cứu, khảo nghiệm của các Dự án, đề tài đã được áp dụng vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai như sau:

*** Về lĩnh vực giống cây trồng Nông nghiệp:**

- Nghiên cứu khảo nghiệm các giống cây trồng mới:

+ Giống cây ăn quả nhập nội:

Nghiên cứu khảo nghiệm tập đoàn các giống cây ăn quả nhập nội: Từ Cộng hoà Pháp, Úc, Đài Loan. Qua khảo nghiệm, sơ bộ kết luận một số giống có triển vọng như: Hồng giòn Fuzi, đào Maycrest và 2 giống Nho. Giống Lê Tai Nung 6 có nhiều triển vọng, quy mô trên 42 ha tại 13 xã của 5 huyện thành phố của tỉnh

+ Giống ngô:

Tiến hành khảo nghiệm tập đoàn giống ngô lai do Viện ngô nghiên cứu và 1 số Công ty của Thái Lan, Trung Quốc; Công ty giống cây trồng miền Bắc. Bước đầu đã kết luận một số giống có năng suất cao, phù hợp với điều kiện thời tiết khí hậu Lào Cai.

- Nghiên cứu chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất hạt giống lúa lai:

+ Nhân dòng và sản xuất thành công hạt giống mẹ(103S) tổ hợp VL20, đảm bảo đủ lượng giống bố, mẹ để sản xuất hạt lai F1(VL20) cung ứng 1 phần lượng hạt giống phục vụ sản xuất tại tỉnh.

+ Phối hợp với Công ty TNHH giống Lục Đan - Trung Quốc và Viện nghiên cứu lúa Trường Đại học Nông nghiệp 1 tiến hành lai cặp dòng, khảo nghiệm tập đoàn các tổ hợp lai mới để chọn ra các giống lúa lai mới(LC 25, LC 212, LC 270). Thành công lớn của nghiên cứu chuyển giao quy trình công nghệ này là Lào Cai đã chủ động sản xuất được hạt giống bố, mẹ và chủ động sản xuất được giống lúa lai cung cấp cho Lào Cai và các tỉnh phía Bắc

- Nghiên cứu phục tráng, chọn lọc và nhân một số giống lúa thuần địa phương như: Sóng Cù ở Mường Khương; Khẩu Nậm Xít ở Bắc Hà và Chăm Pét ở Văn Bàn. Đây là những giống có chất lượng gạo rất ngon, giá bán cao gấp 1,5 - 1,8 lần so với các giống lúa khác.

*** Về lĩnh vực giống cây trồng Lâm nghiệp:**

Qua thực hiện dự án chuyển giao công

nghe xây dựng vườn giống gốc và nhân giống keo lai, bạch đàn lai bằng phương pháp vô tính tại huyện Bát Xát đã tài liệu hoá được quy trình kỹ thuật, công nghệ xây dựng vườn giống gốc nói chung và quy trình giâm hom đôi với keo lai nói riêng làm căn cứ khoa học để chuyển giao cho các cơ sở trên địa bàn. Đặc biệt là các khu vực được quy hoạch trồng rừng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất bột giấy khi có nhu cầu. Năm 2010 được Bộ KH&CN phê duyệt thực hiện dự án trồng keo lai với quy mô 150 ha trên địa bàn 3 huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Thành phố Lào Cai để tạo vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất bột giấy.

*** Về lĩnh vực Chăn nuôi - Thủy sản:**

- Qua thực hiện đề tài nghiên cứu, chọn lọc, nâng cao chất lượng (Phục tráng) và phát triển giống lợn Mường Khương đã tuyển chọn được hai nhóm nái phục tráng tại xã Năm Lữ và xã Bản Sen và lợn đực Mường Khương chất lượng tốt. Đồng thời đã xây dựng được quy trình chăn nuôi, công thức phối trộn thức ăn phù hợp với điều kiện địa phương;

- Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp tại huyện Bảo Thắng đã xây dựng được đàn nái nền Móng Cái thuần chủng để chủ động lai tạo sản xuất giống F1, F2 (Hướng nạc) năng suất cao, chất lượng tốt, sạch bệnh tại chỗ cung ứng cho nhu cầu sản xuất; Xây dựng được mô hình chuyển giao tiến bộ KHKT vào phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững;

- Dự án thụ tinh nhân tạo bò, lợn đã được triển khai tại các huyện: Bảo Thắng, Bát Xát, Thành phố Lào Cai đã cho thấy hiệu quả tốt, được nhiều người dân nhiệt tình hưởng ứng tham gia.

- Đề tài tiếp nhận công nghệ sản xuất cá rô phi đơn tính đực đã xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất

giống cá rô phi đơn tính đực tại Lào Cai, từ đó chủ động trong việc cung ứng giống cho dân, hạ giá thành sản xuất thấp hơn so với giống mua từ ngoài vào từ 30 -50 đồng/con.

Đối với đề tài tiếp nhận công nghệ sản xuất giống cá chép lai V1, hiện nay đã xây dựng được quy trình tạm thời áp dụng để sản xuất giống chép lai V1 tại Lào Cai.

Đối với các dự án chuyển giao công nghệ khác như: Dự án chuyển giao công nghệ nuôi cá Hồi Vân tại Sa Pa (Đã xây dựng xong quy trình nuôi). Qua thực hiện dự án khảo nghiệm nuôi cá Hồi Vân thương phẩm tại Sa Pa, Văn Bàn, Bát Xát đem lại hiệu quả kinh tế cao. Trong thời gian tới tiếp tục khảo sát để phát triển ở các huyện: Bắc Hà, TP Lào Cai.

Dự án chuyển giao công nghệ sinh sản giống ếch Thái Lan tại Bát Xát (Đã xây dựng xong quy trình sản xuất giống ếch tại Lào Cai).

*** Về lĩnh vực nước sạch và VSMTNT:**

Ứng dụng công nghệ lọc áp lực của Công ty cổ phần kỹ thuật môi trường và xây dựng (CEEN) cho hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn. Công nghệ lọc áp lực được nghiên cứu áp dụng lắp đặt cho các hệ thống cấp nước sinh hoạt ở Lào Cai từ năm 2007, đến nay toàn tỉnh đã lắp đặt thí điểm được 8 bộ thiết bị lọc và cho thấy nó đã khắc phục được các nhược điểm của hình thức bể lọc thông thường. Tuy nhiên, thiết bị lọc đang áp dụng thí điểm mới chỉ làm giảm lượng bùn cát để làm trong nước, chưa có tầng lọc khử trùng để nâng cao chất lượng nước.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng nước sinh hoạt vùng nông thôn, trong thời gian tới cần phải nghiên cứu ứng dụng thêm các hình thức lọc khác có sử dụng tầng lọc khử trùng.

*** Về lĩnh vực Thủy lợi:**

- Sản xuất lu chứa nước bằng bê tông:

Lu chứa nước bằng bê tông có nguồn gốc công nghệ của Thái Lan, lu chứa có thể đúc với dung tích 1- 2m³ tùy theo kích thước của khuôn đúc. Khuôn đúc lu theo công nghệ gốc bằng miếng bê tông đúc sẵn lắp ghép, khi áp dụng tại Lào Cai có cải tiến bằng khuôn gỗ nhẹ và dễ vận chuyển hơn khuôn bê tông. Loại lu chứa nước này đã được Chi cục Thủy lợi Lào Cai ứng dụng xây dựng trên địa bàn tỉnh phục vụ giải quyết nước sinh hoạt nông thôn bắt đầu từ năm 2001, đến nay đã xây dựng được 7.304 lu chứa nước/4.268 hộ nghèo/300 thôn bản/76 xã đặc biệt khó khăn của 9 huyện, thành phố.

- Công nghệ bơm va: Bơm va là công nghệ máy bơm nước lợi dụng năng lượng dòng nước để bơm nước lên cao có thể đạt tới 60 - 100 m mà không cần sử dụng năng lượng điện hoặc xăng dầu. Công nghệ này được Chi cục Thủy lợi tiếp nhận từ dự án tài trợ của tổ chức Borda (Đức) và Bộ Nông nghiệp & PTNT từ năm 2003, đến nay đã xây dựng được 23 Trạm bơm va tại 17 xã/7 huyện, thành phố.

- Công nghệ Biogas bằng chất dẻo Composite: Bể khí Biogas bằng chất dẻo cốt sợi thủy tinh là sản phẩm nghiên cứu khoa học của Trường Đại học sư phạm Văn Nam - Trung Quốc (còn gọi là bể thép sợi thủy tinh pha lê). Sản phẩm được ứng dụng lần đầu tiên tại tỉnh Lào Cai năm 2004, do Chi cục Thủy lợi phối hợp với Doanh nghiệp tư nhân Anh Chinh - Lào Cai thực hiện. Đến nay, đã chuyển giao công nghệ sản xuất tại tỉnh Lào Cai. Mô hình bể Biogas này được nhiều hộ nông dân quan tâm và có nhiều tiềm năng ứng dụng ra diện rộng. Tỉnh Lào Cai đã xây dựng được 200 mô hình, ngoài ra còn phổ biến lắp đặt thí điểm ở một số tỉnh như: Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Lai Châu, Hà Nam, Tuyên Quang, Thái Bình có hiệu quả tốt.

- Công nghệ lọc nước Xi phông gắn với thị trường cấp nước sạch nông thôn: Tổ

chức phát triển Hà Lan (SNV) hỗ trợ kỹ thuật để Chi cục Thủy lợi thí điểm mô hình lọc nước xi phông. Thiết bị lọc nước này đơn giản, gọn nhẹ, chỉ nặng khoảng 0,3 kg một cái; giá thành khoảng 230 - 250 nghìn đồng/1 chiếc. Thiết bị này đã được áp dụng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Hiện nay, Chi cục Thủy lợi đang tiếp nhận tài trợ để xây dựng một số mô hình và tổng kết nhân rộng theo hướng phát triển thị trường. Công nghệ này có khả năng phù hợp trong việc tổ chức cứu trợ khẩn cấp giải quyết nước uống trong trường hợp xảy ra thiên tai lũ lụt.

Trong thời gian tới Sở Nông nghiệp cũng có một số đề xuất như sau:

- Tỉnh cần có phân cấp công tác quản lý khoa học và công nghệ cho các ngành, cụ thể như: dự án, đề tài nào do tỉnh quản lý; Dự án, đề tài nào thì giao cho các ngành quản lý, căn cứ theo tính chất quan trọng của mỗi dự án, đề tài hoặc theo mức vốn đầu tư. Với việc phân cấp như vậy sẽ giúp cho công tác quản lý của các ngành được chặt chẽ và đạt hiệu quả hơn.

- Tỉnh cần dành một nguồn kinh phí đáng kể để đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có của tỉnh để đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao trong việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ cao vào trong lĩnh vực sản xuất Nông Lâm nghiệp góp phần tích cực vào việc thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá Nông nghiệp - Nông thôn.

- Việc chuyển giao khoa học công nghệ ở Lào Cai về số lượng còn ít, chưa đáp ứng kịp với yêu cầu sản xuất, đề nghị UBND tỉnh tăng cường nguồn kinh phí nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của nhà nước cũng như lợi ích kinh tế cho người dân. Sở khoa học công nghệ xem xét ưu tiên xét duyệt những đề tài khoa học mang tính công nghệ ứng dụng.

Đánh giá kết quả thực hiện dự án nâng cao năng lực Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010

Nguyễn Hồng Nam

Chi cục TCĐLCL

Lào Cai là một tỉnh miền núi biên giới, được tái lập từ năm 1991, giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ đóng trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, công nghệ sản xuất lạc hậu. Do vậy, trong những năm qua được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Khoa học và CN và sự phối hợp của các ngành, các cấp chính quyền, địa phương, hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng ở Lào Cai đã phát triển mạnh mẽ cả về chất lượng cũng như số lượng, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Nhìn chung hệ thống chuẩn và các trang thiết bị đo lường của Chi cục đã được đầu tư và sử dụng có hiệu quả từng bước đưa hoạt động quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng đi vào nề nếp: kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo đạt độ chính xác tương đối cao, ngăn chặn tình trạng gian lận về đo lường trong mua bán, giao nhận hàng hóa đảm bảo công bằng xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Cụ thể từ chỗ năm 1991 chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Lào Cai chưa kiểm định được một loại phương tiện đo nào đến nay đã có thể kiểm định được áp kế, huyết áp kế, cân khối lượng thông dụng, cột đo xăng dầu, đồng hồ nước, cân phân tích và có thể đáp ứng khoảng 30%

nhu cầu phương tiện đo cần kiểm định và hiệu chuẩn trên địa bàn tỉnh

Tuy nhiên trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, hội nhập quốc tế đang trở thành xu thế tất yếu và là yêu cầu khách quan đối với nước ta trên con đường phát triển kinh tế. Để thúc đẩy quá trình hội nhập về kinh tế thì việc hội nhập trong các lĩnh vực như Tiêu chuẩn hoá, đo lường và công nhận/chứng nhận được xem là một trong hoạt động cần phải được đi trước để tạo cơ sở cho các hoạt động hội nhập trên. Thực tế cho thấy hội nhập trong các lĩnh vực Tiêu chuẩn hoá, Đo lường và Công nhận/Chứng nhận đang diễn ra một cách sôi động bằng chứng là đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ các hoạt động này từ chỗ mang tính quốc gia sang các hoạt động mang tính hợp tác quốc tế cao. Hội nhập quốc tế và hướng các hoạt động Tiêu chuẩn, Đo lường, Công nhận/Chứng nhận và Quản lý chất lượng tương thích và phù hợp với thông lệ Quốc tế sẽ có vai trò quan trọng đối với việc tháo bỏ các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại và đóng góp tích cực vào tiến trình tự do hoá thương mại toàn cầu đặc biệt trong các tổ chức quốc tế. Việt Nam đã tham gia vào chương trình Đo lường Châu Á - Thái Bình Dương (APMP), APLMF (Diễn đàn đo lường pháp quyền châu Á - Thái Bình Dương), là thành viên

chính thức của Tổ chức Đo lường pháp quyền(OIML) và tham gia công ước Mét. Hiện nay Việt Nam đang thực hiện kế hoạch phát triển Hệ thống Chuẩn đo lường quốc gia dựa trên cơ sở đảm bảo Hệ thống Chuẩn này được dẫn xuất từ Hệ thống Chuẩn đo lường quốc tế. Mục tiêu đến năm 2010 sẽ xây dựng mới 22 chuẩn quốc gia bao gồm chuẩn của 3 đại lượng cơ bản và chuẩn của 19 đại lượng dẫn xuất. Hệ thống chuẩn này sẽ là chuẩn mực, là yếu tố nền tảng cho hoạt động kiểm định - hiệu chuẩn đáp ứng yêu cầu của các ngành kinh tế - kỹ thuật. Khoa học - kỹ thuật ngày càng phát triển, quá trình chuyển giao công nghệ phát triển mạnh mẽ tại các nước phát triển và đang phát triển, đời sống của con người ngày càng được nâng cao, đo lường càng trở nên cần thiết và quan trọng. Chúng ta không thể hình dung một đời sống xã hội văn minh, phát triển mà lại thiếu đo lường. Đo lường đã trở thành một yếu tố, một nhu cầu thiết thực trong đời sống của tất cả mọi người, của toàn xã hội, của toàn cầu. Cuộc cách mạng công nghệ hiện đại đang diễn ra như vũ bão làm thay đổi hẳn vai trò của đo lường trong sản xuất. Đo lường đã thâm nhập và trở thành yếu tố không thể thiếu của mọi quá trình công nghệ, từ chu trình hình thành nên một sản phẩm, từ khâu nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, điều khiển, điều chỉnh quá trình công nghệ, kiểm tra chất lượng,... một yếu tố quan trọng hàng đầu để đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao của sản xuất.

Đứng trước những yêu cầu đòi hỏi cấp bách của hoạt động TC-ĐL-CL như vậy Sở Khoa học và Công nghệ đã mạnh dạn đề nghị UBND tỉnh đưa dự án “Nâng cao năng lực Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường

Chất lượng Lào Cai vào Đề án “ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010” và đã được UBND tỉnh ra Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 30/1/2007 phê duyệt.

Ngay sau khi Đề án “Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010” được triển khai ngày 12/5/2008 Sở Khoa học và Công nghệ Lào Cai đã tham mưu UBND tỉnh ra Quyết định số 1182 phê duyệt nhiệm vụ thiết kế dự án.

Sau gần một năm Sở Khoa học và Công nghệ cùng Công ty TNHH Tư Vấn Khoa Học & Công Nghệ KIS bắt tay vào nghiên cứu, thiết kế Dự án đã được hoàn thành và đã được UBND tỉnh ra Quyết định số: 584/QĐ- UBND ngày 16/3/2009 chính thức phê duyệt đầu tư Dự án với tổng mức vốn đầu tư lên đến 12.397.555.000 đồng với mục tiêu nhằm:

Đào tạo mới và đào tạo nâng cao trình độ cho kiểm định viên trong việc kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo phục vụ sản xuất, kinh doanh và phục vụ công tác quản lý nhà nước về TCĐLCL.

Tăng cường đầu tư nâng cấp hệ thống chuẩn đo lường cấp chính xác cao và đồng bộ hóa các chuẩn đo lường của tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu so sánh, kiểm định phương tiện đo cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh trong cơ chế hội nhập kinh tế quốc tế.

Tăng cường trang thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm đo lường hiện đại phù hợp với sự phát triển công nghệ đo lường tiên tiến trong các dây chuyền sản xuất hiện đại. Tiên tới có thể kiểm định được cân ô tô đến 150 tấn, cân phân tích, cân kỹ thuật cấp chính xác II, công tơ điện tử, TU, TI, xi téc ô tô...

Tiến tới Chi cục TCĐLCL Lào Cai là

trung tâm đo lường thử nghiệm của khu vực các tỉnh Tây Bắc.

Mặc dù nguồn vốn của tỉnh đang dành tập trung đầu tư cho khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường nhưng UBND tỉnh vẫn dành ra một phần kinh phí đầu tư cho dự án năm 2009 và năm 2010 : là 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) Sở đã đầu tư mua sắm được các chuẩn và các trang, thiết bị gồm: Thiết bị chuẩn điện; một số trang thiết bị hiện đại như Bàn kiểm định công tơ điện 1 pha kỹ thuật số 12 vị trí; Bàn kiểm định công tơ điện 1 pha lưu động; Thiết bị chuẩn áp suất mẫu đa chức năng hiển thị số, thiết bị chuẩn huyết áp kế; Bàn tạo áp; 17 tấn quả

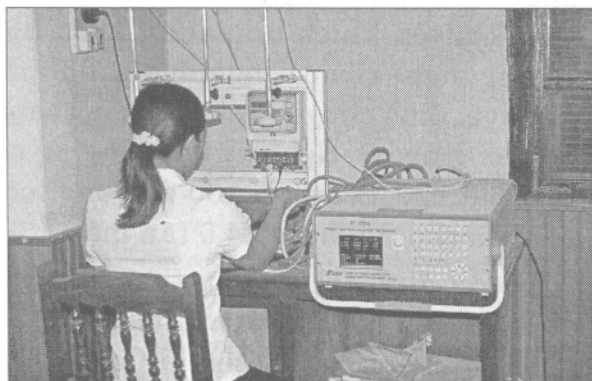
chuẩn khối lượng hạng 4 và 01 xe ô tô phục vụ chuyên chở chuẩn kiểm định lưu động; Đào tạo nâng cao trình độ cho 22 lượt kiểm định viên.

Qua bước đầu triển khai dự án đến nay công tác kiểm định của Chi cục có thể đáp ứng được nhu cầu kiểm định cân ô tô đến 100 tấn, công tơ điện tử cấp chính xác 0,5. đồng hồ áp kế đến 650 Mpa, đồng hồ nước lạnh... mà trước đây chưa kiểm định được. Ngoài ra các kiểm định viên của chi cục còn có thể làm chủ các thiết bị và chuẩn kiểm định hiện đại kỹ thuật số như chuẩn điện, chuẩn huyết áp kế, áp kế... Năng suất kiểm định, độ chính xác của các phép kiểm định ngày càng nâng cao.

Một số hình ảnh hoạt động của chi cục TC-ĐL-CL:



Kiểm công tơ điện trên bàn kiểm công tơ 12 vị trí tự động điều khiển được đầu tư qua dự án nâng cao năng lực Chi cục



Hình ảnh các kiểm định viên của chi cục đang thực hành kiểm định công tơ điện tử trên trang thiết bị hiện đại được đầu tư theo dự án.

Lời tâm sự của một cựu chiến binh về:

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN MỘT NGHỀ MỚI

Phạm Thanh Xuân

Công ty TNHH phát triển ong miền núi Thanh Xuân

Lời dạy của Bác Hồ “thương binh tàn nhưng không phế” là động lực thúc đẩy bản thân tôi vượt qua mọi khó khăn, thương tật vươn lên phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới, thời gian qua tôi đã cùng gia đình mạnh dạn xây dựng một mô hình trang trại tổng hợp trên diện tích 50 ha vườn đồi. Được sự động viên của các cấp, các ngành, mọi thành viên trong gia đình tôi đã hết sức cố gắng, từ đào ao nuôi cá, nuôi ba ba; chăn nuôi lợn, gà... đến làm vườn ươm giống cây các loại, trồng cây ăn quả, trồng rừng... lao động vất vả song bù lại cuộc sống gia đình tôi đã dần được cải thiện. Tuy nhiên vẫn còn hết sức khó khăn và thu nhập hàng năm chưa cao. Qua bao trăn trở, tôi quyết định đầu tư cho nghề mới nhằm khai thác nguồn tài nguyên quý giá do thiên nhiên ban tặng đó là mật hoa. Song ban đầu khi chưa có kinh nghiệm, chưa có kiến thức khoa học thì nghề nuôi ong cũng thật lắm gian truân.

Năm 1996 tôi đầu tư 50 đàn ong nội và mua sắm dụng cụ nuôi ong, sau một năm đàn ong cứ lần lượt bay đi không hề trở lại, khó khăn lại chồng chất. Nhưng tôi không chịu gục ngã, tôi mày mò nghiên cứu tài liệu và học hỏi kinh nghiệm của những người đi trước cùng với sự đồng thuận của vợ, con, tôi lại đầu tư mua 50 đàn ong nội khác để nuôi, lần

này ong không phụ người, sau hơn một tháng nuôi đã cho sản phẩm mật. Đàn ong ngày một phát triển, đến năm 2000 gia đình tôi đã có 100 đàn.

Khi đã có một chút kinh nghiệm và vốn kiến thức nhất định, tôi đã đưa 100 đàn ong đi thí điểm khai thác mật hoa rải ở huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang và một số tỉnh khác theo các mùa hoa. Mỗi năm đã cho thu hoạch từ 1,5 đến 2 tấn mật, doanh thu đạt 100 - 150 triệu đồng/năm.

Tuy nhiên, ong nội thuộc loài dã sinh tính tụ đàn không cao, năng suất thấp, khó phát triển. Qua nghiên cứu tìm hiểu cho thấy giống ong ngoại có nhiều điểm ưu việt, tính tụ đàn cao, thể đàn đông, năng suất mật vượt trội, ít dịch bệnh, thích nghi di chuyển, rất phù hợp để đầu tư phát triển trên quy mô lớn, vì thế những năm sau này được sự hỗ trợ một phần kinh phí của tỉnh, cùng sự động viên khuyến khích ứng dụng khoa học và công nghệ của các ngành gia đình tôi đã quyết định chuyển đổi từ ong nội sang nuôi ong ngoại. Kết quả nuôi ong ngoại thật bất ngờ, cũng với 100 đàn ong một năm đã cho thu hoạch 4,5 tấn mật.

Để ổn định thị trường tiêu thụ, gia đình tôi đã đăng ký thương hiệu cho sản phẩm mật ong và lấy tên là Cơ sở nuôi ong Thanh Xuân đồng thời công bố tiêu chuẩn chất lượng. Đến năm 2004 sản

phẩm mật ong, phấn hoa, sữa ong chúa đã được trưng bày tại hội nghị biểu dương các chủ trang trại và doanh nghiệp điển hình toàn quốc lần thứ nhất do Trung ương hội Nông dân tổ chức tại thủ đô Hà Nội. Và từ đó đến nay, các sản phẩm của ong liên tục tham gia trưng bày và giới thiệu tại các Hội chợ được tổ chức tại Lào Cai, Hải Phòng, Thái Bình, Quảng Ninh và Hà Nội như: Hội chợ Thương mại quốc tế; Hội chợ Nông lâm nghiệp quốc tế; Hội chợ Thương mại và Du lịch tại các tỉnh đồng bằng khu vực phía Bắc... Đặc biệt là sản phẩm mật ong, tại Hội chợ Thương mại quốc tế năm 2007 đã được Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học Việt Nam và Cục An toàn vệ sinh thực phẩm - Bộ Y tế bình chọn là sản phẩm tốt nhất Việt Nam và tặng Cúp Vàng Việt Nam BEST FOOD thương hiệu an toàn vệ sinh thực phẩm vì sức khỏe cộng đồng tại Quyết định số 1615/QĐ.LHH ngày 16/11/2007.

Năm 2006 được sự giúp đỡ của các ngành hữu quan, tôi đã thành lập câu lạc bộ nuôi ong tỉnh Lào Cai và tư vấn kỹ thuật nuôi ong cho nhiều hội viên trong tỉnh và tham gia tổ chức các đợt thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm nuôi ong cho hàng trăm lượt người của các huyện Bảo Yên, Văn Bàn.

Sự cố gắng không mệt mỏi của gia đình tôi trong những năm qua đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, và thật vinh dự nhân dịp đầu xuân Bính Tuất, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã tới thăm và động viên gia đình. Ngoài ra, bản thân tôi đã được nhận rất nhiều bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương, của Chủ tịch tỉnh, của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhì.

Đến nay, sản phẩm mật ong, phấn hoa, sữa ong chúa chất lượng cao được nhiều người trong nước và nước ngoài ưa chuộng. Để phù hợp với nhu cầu phát triển mở rộng giữa đầu ra đầu vào trên địa bàn toàn quốc, tháng 02 năm 2009 gia đình tôi đã thành lập công ty, lấy tên là: "Công ty TNHH phát triển ong miền núi Thanh Xuân".

Những năm gần đây gia đình tôi đã tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc tìm kiếm nguồn hoa; trong vận chuyển; trong quản lý, chăm sóc, khai thác đàn ong. Cứ định kỳ theo mùa vụ từng loại hoa, gia đình tôi đã đưa những đàn ong đi rất nhiều tỉnh trong nước như Sơn La, Tuyên Quang, Hà Giang, Hưng Yên, Bắc Giang, Thái Bình, Gia Lai, Kon Tum... Năm 2009 được sự quan tâm của UBND tỉnh Lào Cai, Sở Khoa học và Công nghệ gia đình tôi đã được hỗ trợ 50% nguồn kinh phí là 76 triệu đồng để mua đàn ong giống Italia với số lượng là 192 đàn ong theo chính sách hỗ trợ khuyến khích ứng dụng khoa học của tỉnh đến nay chúng tôi đã có 340 đàn ong. Nó đã mang lại hiệu quả kinh tế cao cụ thể là hàng năm gia đình tôi thu được 9,2 đến 10 tấn mật ong; từ 500 đến 700 kg phấn hoa và 30 đến 40 kg sữa ong chúa. Tổng doanh thu từ ong đạt trên dưới 800 triệu đồng/năm, và cũng từ việc nuôi ong đã tạo công ăn việc làm ổn định cho 30 lao động với thu nhập bình quân từ 1,2 đến 1,5 triệu đồng/tháng.

Thương hiệu độc quyền về sản phẩm của Công ty TNHH Phát triển ong miền núi Thanh Xuân Bảo Yên - Lào Cai đã được chấp cánh và ngày càng có vị trí nhất định trên thị trường Việt Nam.

P-T-X

MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI “NGHIÊN CỨU SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT NHÂN GIỐNG HOA ANH ĐÀO TẠI HUYỆN SA PA - LÀO CAI”

PGS, TS. Nguyễn Ngọc Nông
KS. Ninh Anh Vũ

Phần I ĐẶT VẤN ĐỀ

Anh đào bản địa (*Prunus cerasaides* D. Don) thuộc họ Hoa hồng (Rosaceae), là cây gỗ nhỏ mọc tự nhiên ở một số tỉnh vùng núi cao phía Bắc, có hình thái thân cành và hoa khá đẹp. Từ xa xưa, người dân bản địa Sa Pa đã có thú chơi hoa Anh đào cùng hoa Mận, hoa Đào để đón mùa xuân về. Đặc biệt, trong những năm gần đây do sự phát triển về nhiều mặt của đời sống, kinh tế - xã hội nên mức sống và nhu cầu về giải trí của người dân trong các tỉnh thành phố nước ta nói chung và của huyện Sa Pa nói riêng đang ngày một tăng, trong đó có nhu cầu chơi hoa và cây cảnh. Điều này dẫn đến tình trạng những loài cây có giá trị làm cảnh trong tự nhiên bị khai thác ở mức độ báo động. Đặc biệt, tại Sa Pa loài *Prunus cerasaides* D. Don đang bị khai thác mạnh để phục vụ nhu cầu chơi cây cảnh vào dịp tết của người dân bản địa và khách du lịch, gây ra sự suy giảm nghiêm trọng về số lượng quần thể của loài trong vùng núi Hoàng Liên. Vì vậy, cần phải có những nghiên cứu về đặc điểm sinh vật học, sinh thái học và quy trình kỹ thuật nhân giống của loài *Prunus cerasaides* D. Don làm cơ sở cho việc bảo tồn và phát triển loài này tại vùng núi Hoàng Liên.

Để thực hiện ngày càng tốt hơn công tác bảo tồn phát triển các loài cây Anh đào và tạo ra vùng có thể triển khai các vùng chuyên trồng hoa anh đào để du khách thưởng thức vẻ đẹp khi hoa nở vào mùa xuân; đồng thời tạo hướng sản xuất hàng hóa những loài cây này phục vụ nhu cầu chơi cây cảnh, trồng cây cảnh quan,... tăng thu nhập cho người dân địa phương và giảm áp lực của cộng đồng lên tài nguyên thiên nhiên VQG Hoàng Liên. Xuất phát từ thực tế và yêu cầu của sản xuất, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu sinh trưởng, phát triển và một số biện pháp kỹ thuật nhân giống hoa Anh Đào tại huyện Sa Pa - Tỉnh Lào Cai”.

Phần II

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu và Nội dung nghiên cứu:

2.1.1. Vật liệu nghiên cứu:

- Cây hoa anh đào Nhật Bản Sakura, nhập nội năm 2005.

- Cây anh đào bản địa có sẵn ở vùng núi Sa Pa (Anh đào đại, Mận rừng) *Prunus cerasoides* D. Don

2.1.2.1. Ảnh hưởng của chất kích thích ra rễ (IBA) đến kết quả giâm hom Anh đào sakura .

Anh Đào là một trong những loài khó tính trong việc giâm hom, tùy vào từng lượng nhựa có trong hom của từng loài mà có tỷ lệ ra rễ khác nhau. Hầu hết các loài cây cho nhựa nhiều thì tỷ lệ ra rễ kém (thường là những loài cây gỗ lớn, cho cành hom to), ngược lại những loài cây cho nhựa ít thì có tỷ lệ ra rễ cao hơn (thường là những loài cây bụi, gỗ nhỏ cho cành hom nhỏ).

Nồng độ chất kích thích ra rễ có ảnh hưởng to lớn đến kết quả giâm hom. Trong chuyên đề, để xác định nồng độ chất kích thích ra rễ (IBA) thích hợp, chúng tôi so sánh kết quả giâm hom của từng loài Anh Đào khi xử lý đậy hom bằng IBA pha ở dạng bột với các nồng độ khác nhau. Kết quả nghiên cứu được tổng hợp ở bảng dưới đây:

Bảng 1. Ảnh hưởng của nồng độ IBA đến kết quả giâm hom Anh Đào sakura

CTTN	Nồng độ (ppm)	Số hom xử lý	Ra rễ		Mô sọ		Chết	
			Số cây	%	Số cây	%	Số cây	%
1	0	300	64	21.3	158	52.6	78	26
2	500	300	120	40	63	21	117	39
3	750	300	230	76.7	35	11.7	35	11.7
4	1.000	300	110	36.7	76	25.3	114	38
LSD.05								
CV								

Qua bảng 1 cho thấy rằng:

- Anh Đào có tỷ lệ ra rễ tương đối cao, đạt tới 76,7% với nồng độ IBA ở 750ppm. Nhưng khi không dùng IBA thì tỷ lệ ra rễ chỉ đạt 21,3%.

- Tất cả các công thức được xử lý IBA đều có tỷ lệ ra rễ cao hơn hẳn so với công thức đối chứng. Công thức xử lý IBA ở nồng độ 1.000ppm cho tỷ lệ ra rễ thấp nhất: 36,7%. Như vậy so với công thức đối chứng thì tỷ lệ hom ra rễ tăng 172%.

- Trong giới hạn của các nồng độ thử nghiệm, công thức xử lý IBA ở nồng độ 750ppm đạt tỷ lệ ra rễ cao nhất: 76,7% và tỷ lệ hom giâm ra rễ giảm dần khi nồng độ tăng lên hoặc giảm xuống.

Qua xử lý thống kê ta có $X_n^2=256,6 > X_{0,5(k=6)}^2=12,6$. Điều đó chứng tỏ trong các nồng độ thí nghiệm của IBA, có ít nhất 1 nồng độ ảnh hưởng đến tỷ lệ ra rễ giâm hom **Anh Đào** so với các thí nghiệm còn lại.

2.1.2.2. Ảnh hưởng của một số chế phẩm kích thích sinh trưởng đến sự ra rễ hữu hiệu của hoa Anh Đào bản địa

Khả năng bật mầm trên cây hoa Anh Đào bản địa chịu ảnh hưởng lớn bởi các tác động kỹ thuật. Biện pháp sử dụng chế phẩm kích thích sinh trưởng ảnh hưởng đến khả năng bật mầm và ra rễ của cây hoa Anh Đào bản địa

Thí nghiệm được thực hiện trên giống hoa Anh Đào bản địa với 3 chất kích thích sinh trưởng là ; IAA, NAA, GIBB.

Bảng 2: ảnh hưởng của một số chế phẩm kích thích sinh trưởng đến động thái ra rễ và tỷ lệ rễ hữu hiệu của hoa Anh Đào bản địa

CTTN	Số lượng rễ sau thời gian tác động rễ					Tỷ lệ rễ hữu hiệu (%)
	30 ngày	60 ngày	90 ngày	120 ngày	180 ngày	
CT1 (Đối chứng OKTST)	3,6	6,5	9,2	11,3	17,8	51,6
CT2 (IBA)	6,3	7,5	12,4	14,2	21,7	61,3
CT3 (NAA)	6,2	7,4	12,2	14,5	22,3	63,9
CT4 (Gibb)	7,8	8,8	14,7	16,9	24,5	55,6
CV%	9,9	5,4	10,0	9,1	6,8	
LSD%	1,13	0,76	2,25	2,40	2,14	

Từ kết quả bảng 2 cho thấy: khả năng bật rễ ở cả 4 công thức đều tăng dần. Ở các công thức sử dụng chế phẩm số rễ tăng mạnh ở giai đoạn đầu (30 ngày). Thời gian sau vẫn tăng nhưng không đáng kể vì trong khoảng thời gian này cây đang tập trung dinh dưỡng từ thân lá về nuôi rễ. Sau đó lại tiếp tục tăng ở giai đoạn từ 60 - 90 ngày. Công thức đối chứng tốc độ tăng số lượng rễ giữa các giai đoạn ít thay đổi. Sở dĩ có điều này là do các công thức được sử dụng chế phẩm, đều có tác dụng kích thích khả năng bật rễ sớm và tập trung nên tốc độ bật rễ của các công thức này cũng tập trung vào từng giai đoạn.

Các công thức khác nhau thì khả năng bật rễ cũng khác nhau, ở giai đoạn 60 ngày công thức 4 có số rễ cao nhất (8,8 rễ) tiếp đến là công thức 3 và công thức 4 có số rễ giao từ 7,4 - 7,5 rễ, thấp nhất là công thức 1 (ĐC) chỉ đạt 6,5 rễ. Sự sai khác này có ý nghĩa thống kê ở mức $\alpha = 0,05$.

Tuy nhiên khả năng bật rễ lớn, nhưng không phải tất cả đều ra rễ, mà trong quá trình ra rễ chúng bị chết đi do nhiều nguyên nhân: Quá trình phát dục và phân hóa rễ, chịu ảnh hưởng của sự cân bằng giữa kích thích tố và điều kiện ngoại cảnh nên có sự biến đổi của sự vận chuyển nhựa luyện, nếu thiếu dinh dưỡng rễ sẽ bị nhỏ lại thui đi, rụng hoặc biến thành dị dạng (rễ vô hiệu). Tỷ lệ rễ hữu hiệu sau thời gian tác động 180 ngày (10 tháng sau giâm) của các công thức có sử dụng chế phẩm đều cao hơn công thức không sử dụng chế phẩm từ 4,0 - 8,3%.

Các loại chế phẩm khác nhau thì tỷ lệ rễ hữu hiệu cũng khác nhau. Tỷ lệ rễ hữu hiệu ở công thức 3 là cao nhất đạt 63,9%, tiếp đến là công thức 2 (61,3%) thấp hơn là công thức 4 (54,6%).

Tóm lại: tính đến thời điểm sau thời gian tác động 180 ngày (sau giâm 10 tháng) số lượng rễ ở công thức sử dụng chế phẩm Gibb (công thức 4) cao nhất, tiếp đến công thức 3 và 2. Nhưng tỷ lệ rễ hữu hiệu ở công thức 2, 3 lại cao hơn công thức 4. Tổng hợp cả 2 chỉ tiêu trên thì công thức 3 vừa có khả năng bật rễ tốt lại vừa có tỷ lệ rễ hữu hiệu cao.

Các loại chế phẩm dinh dưỡng đều có tác dụng làm tăng khả năng bật rễ và chất lượng rễ trên hom.

Phần III

KẾT LUẬN VÀ TRIỂN VỌNG CỦA ĐỀ TÀI

- Để kết quả giâm hom đạt hiệu quả cao nhất thì chúng ta nên sử dụng chất kích thích là IBA ở nồng độ 750ppm, với độ dài hom là 12cm và giâm vào tháng 7.

- Khi đề tài hoàn thiện sẽ lập được bản thảo quy trình kỹ thuật nhân giống Anh đào bằng phương pháp giâm hom giúp các tổ chức, cá nhân quan tâm có thể áp dụng nhân giống trồng cây cảnh quan, làm tốt công tác bảo tồn, phục vụ thị hiếu của khách du lịch, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Do ảnh hưởng của một số nhân tố khách quan như: Khu vực nghiên cứu giâm hom có điều kiện tự nhiên không giống khu vực có cây mẹ sinh sống về độ cao và độ ẩm, thời gian để thực hiện các thử nghiệm có hạn chế,... Vì vậy, việc thực hiện các nghiên cứu còn một vài tồn tại như: Trong nghiên cứu giâm hom mới chỉ tập trung sử dụng một loại chất kích thích ra rễ là IBA. Cần thử nghiệm với các chất kích thích sinh trưởng và ở các nồng độ khác nhau.

- Với những kết quả trên, đề tài sẽ là những căn cứ quan trọng để mở rộng phạm vi nghiên cứu nhằm bảo tồn và phát triển các loài Anh đào trên địa bàn Sa Pa.

- Tạo động lực và đem lại nhiều cơ hội cho người dân nhằm tăng thu nhập, nâng cao đời sống góp phần xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Một số kết quả bước đầu của hoạt động xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa tỉnh Lào Cai

Hà Minh Tân

Giám đốc Trung tâm KNCLHH tỉnh Lào Cai

Với vị trí là một tỉnh biên giới như Lào Cai, có lợi thế Cửa khẩu Quốc tế thông thương với nước bạn Trung Quốc. Từ vị trí, vai trò quan trọng nằm trên Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng cũng như trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý cửa khẩu cải tiến thủ tục xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu theo hướng hiện đại, rút gọn, thuận tiện, văn minh. Với lợi thế như vậy, việc xuất, nhập khẩu hàng hóa là nguồn thu nhập chính cho một số tổ chức, cá nhân... góp phần cho sự phát triển kinh tế tỉnh nhà. Trên thực tế nhiều hàng hóa chưa được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng cũng phần lớn là do tại địa bàn tỉnh chưa phòng thí nghiệm nào đủ tiêu chuẩn về kỹ thuật để kiểm tra. Nếu vấn đề này không được cải thiện thì các Doanh nghiệp khó có thể nâng cao hiệu quả và mở rộng thị trường cũng như chất lượng không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, đặc biệt một số mặt hàng tiêu dùng có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người.

Do đó, được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa là đơn vị sự nghiệp trực

thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, được thành lập từ tháng 5/2008 và bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 5/2009. Trung tâm Kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa (KNCLHH) đã được đầu tư 2 dự án đó là dự án xây dựng trụ sở trung tâm và dự án mua sắm trang thiết bị cho hoạt động chuyên môn của Trung tâm.

Để thực hiện có hiệu quả 02 dự án trên, Sở khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban quản lý dự án gồm 04 thành viên. Trong đó đồng chí Giám đốc Trung tâm KNCLHH làm Trưởng ban và 03 đồng chí là thành viên. Ban QLDA đã phân công công việc cụ thể cho các thành viên như: kiểm tra, theo dõi, giám sát, đôn đốc thực hiện theo đúng quy trình và tiến độ của dự án. 02 dự án của Trung tâm đã được thực hiện trong đó một số gói thầu đang được thi công xây dựng, gói thầu mua sắm trang thiết bị đã từng bước được thực hiện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đã đạt được một số kết quả sau:

Dự án đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm Kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 18/3/2009 với tổng mức đầu tư là 17.613.062.412 đồng được chia thành 09 gói thầu, đến nay đã thực hiện được 08/09 gói thầu, các gói thầu đã

được thực hiện theo đúng quy định của Luật đấu thầu.

Gói thầu thi công xây dựng san nền, ngoại thất; nhà số 1, số 2; hệ thống điện, nước ngoài nhà; bể xử lý nước thải được khởi công xây dựng ngày 16/4/2010, từ khi thi công đến nay nhà thầu luôn thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu thiết kế, đạt yêu cầu kỹ thuật. Đến thời điểm hiện nay công trình đã thực hiện được một số công việc như: San đắp đất mặt bằng công trình theo thiết kế và biên bản bàn giao mặt bằng trên thực địa; Đào móng nhà số 2; Đào móng, đổ bê tông, xây trát hoàn thiện bể nước ngầm; Đào móng, xây móng tường rào đoạn A – B, A – D; Ép cọc bê tông móng.

Về dự án đầu tư trang thiết bị Trung tâm Kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa tỉnh Lào Cai, được Ủy ban nhân tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 29/10/2009 với tổng mức đầu tư của dự án: 35.310.308.000 đồng. Đây là một dự án chuyển tiếp trong thời gian dài. Với dự án này Trung tâm đã thực hiện được một số gói thầu như: Gói thầu Mua sắm bộ bình chuẩn kim loại hạng II, thiết bị kiểm tra khả năng tách khí và dẫn nổ ống của cột đo nhiên liệu; 01 xe ô tô và đã đi vào hoạt động. Tổng giá trị 2 gói thầu 817 triệu đồng.

Với chức năng nhiệm vụ được giao, từ đầu năm đến nay Trung tâm đã tổ chức cho 08 lượt cán bộ viên chức đi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể: 02 kiểm định viên kiểm tra chất lượng X-quang thông thường tại viện khoa học kỹ thuật hạt nhân; 03 kiểm định viên taximet; 03 kiểm định viên cột đo xăng dầu tại Trung tâm đào tạo Tổng cục Tiêu chuẩn

Do lường Chất lượng. Công tác kiểm định taximet, máy X-quang y tế đã đi vào hoạt động đạt kết quả cao, không những kiểm định tại tỉnh Lào Cai mà còn vươn xa tới các tỉnh bạn như: Lai Châu, Yên Bái... Kết quả từ tháng 4/2010 đến nay Trung tâm đã kiểm định được 108 xe taxi, trong đó kiểm định tại thành phố Lào Cai 47 xe taxi, tỉnh Lai Châu 24 xe taxi, tỉnh Yên Bái 37 xe; Kiểm tra máy X-quang y tế thông thường cho 06 cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; Công tác kiểm định cột đo xăng dầu đang chuẩn bị đi vào hoạt động. Ngoài ra các kiểm định viên của Trung tâm tham gia cùng đoàn Thanh tra của Sở phục vụ công tác quản lý về lĩnh vực đo lường Taximet và ATBX trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Đồng thời, Trung tâm đã xác định việc thành lập tổ chức chứng nhận, giám định chất lượng phù hợp tiêu chuẩn là việc làm rất quan trọng giúp cho hàng hóa của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong tỉnh tăng sức cạnh tranh trên thị trường đồng thời, giúp người tiêu dùng được sử dụng các sản phẩm có chất lượng cao. Do đó Sở Khoa học và Công nghệ đã quan tâm chỉ đạo xây dựng Trung tâm là tổ chức chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn. Đến nay Trung tâm đang Xây dựng hệ thống tài liệu theo yêu cầu của TCVN ISO 17020, TCVN ISO 17021, TCVN7454/ISO IEC Guide 65:1996 xây dựng Trung tâm thành tổ chức chứng nhận, giám định chất lượng phù hợp tiêu chuẩn. Hệ thống tài liệu đang dần được hoàn thiện.

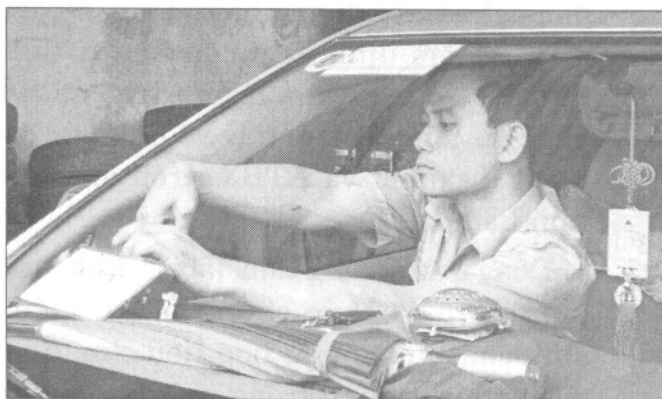
Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trung tâm cũng gặp nhiều khó khăn đặc biệt là vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản.

Với 02 dự án số tiền đầu tư lên tới 52,6 tỷ đồng, nhưng theo kế hoạch được duyệt năm 2010 là 6 tỷ, dự kiến năm 2011 là 15 tỷ. Theo tiến độ đầu quý II năm 2011 là trung tâm sẽ xây dựng xong nhưng trang thiết bị chưa có nên cũng chưa thể đi vào hoạt động có hiệu quả được. Trung tâm KNCLHH rất mong được sự quan tâm của Tỉnh và các ban ngành có liên quan tạo điều kiện, đặc biệt về vốn để trung tâm sớm đi vào hoạt động.

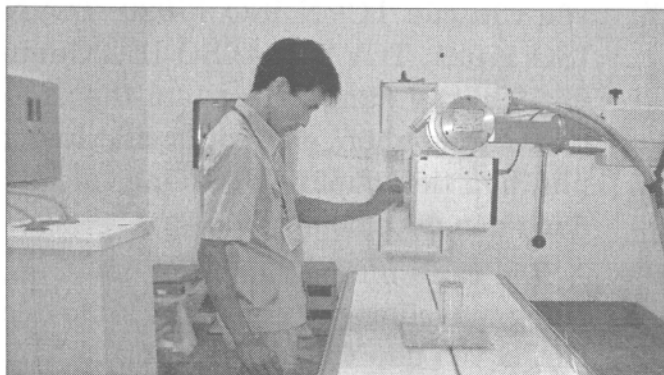
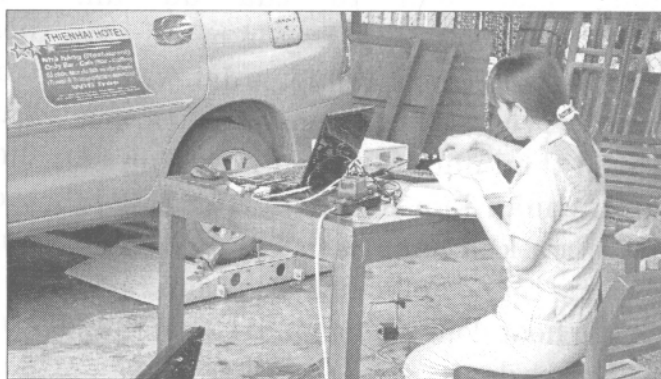
Với những kết quả bước đầu đã đạt được và những công việc triển khai tiếp theo của dự án, Trung tâm Kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa sẽ phấn đấu hoàn thành dự án theo đúng tiến độ, chất lượng, kỹ thuật công trình đúng quy cách, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị được đầu tư, đáp ứng mọi nhu cầu tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và các tỉnh bạn./.

H-M-T

Một số hình ảnh hoạt động của TTKNCLHH:



Kiểm định Taximet.



Kiểm định máy X-Q y tế

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐỐI VỚI GIỐNG HOA ĐỊA LAN TRẦN MỘNG XUÂN (*Cymbidium lowiaianum*) TẠI SA PA - LÀO CAI

PGS.TS Ngô Xuân Bình*

TS Đặng Quý Nhân*

KS Nguyễn Hữu Hạnh**

1. Đặt vấn đề

Địa lan Trần Mộng Xuân (*Cymbidium lowiaianum*) là giống lan rừng trước đây phân bố rất nhiều trong các khu rừng tự nhiên có kiểu khí hậu á nhiệt đới và ôn đới núi cao như: Sa Pa - Lào Cai, Sìn Hồ - Lai Châu. Địa lan Trần Mộng Xuân với vẻ đẹp đặc biệt của loài có hoa tự dài nhất, hoa to và bền, màu sắc xanh vàng, cánh môi vàng sẫm, số lượng hoa trên chùm có thể lên tới vài chục hoa, thời gian nở hoa kéo dài 2 - 3 tháng vào đúng dịp Tết Nguyên đán nên đã thực sự thu hút người tiêu dùng trong và ngoài nước. Do vậy, vài năm gần đây loài lan này bị khai thác đem bán với tốc độ rất nhanh và ngày càng hiếm gặp ngoài tự nhiên. Để bảo tồn và phát triển giống lan bản địa có giá trị kinh tế này, việc nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật trồng và chăm sóc loài hoa lan này là rất cần thiết. Phạm vi của bài báo trình bày kết quả: “Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật đối với giống hoa địa lan Trần Mộng Xuân (*Cymbidium lowianum*) tại Sa Pa - Lào Cai”.

2. Đối tượng và vật liệu nghiên cứu

2.1. *Đối tượng nghiên cứu*: Cây hoa địa lan Trần Mộng Xuân được nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào ở độ tuổi năm thứ hai.

2.2. *Vật liệu nghiên cứu*: Bao gồm cây Dương xỉ, đất mùn núi đá, phân chuồng hoai mục, phân NPK, thuốc bảo vệ thực vật (Score 250 EC, Aliette, Hamissu, Zinep, Padan), phân bón lá Yogen 30:10:10.

3. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

3.1. *Nội dung 1*: Nghiên cứu ảnh hưởng của loại giá thể (tỷ lệ Dương xỉ và Đất mùn núi đá) đến sự sinh trưởng, phát triển của cây địa lan Trần mộng xuân.

Bố trí 5 công thức (CT) thí nghiệm, từ CT1 đến CT5, mỗi công thức 3 lần lặp lại. Mỗi khối giá thể ổn định 2/8 Phân chuồng hoai mục + 5 % Phân NPK (loại 3:10:5) + 5 % vôi bột; tỷ lệ Dương xỉ + Đất mùn núi đá thứ tự lần lượt: 0 + 6/8, 1/8 + 5/8, 2/8 + 4/8, 3/8 + 3/8, 4/8 + 2/8.

3.2. *Nội dung 2*: Nghiên cứu xác định sự ảnh hưởng của thời gian phun phân bón qua lá Yogen (loại 30:10:10) đến sự sinh trưởng và phát triển của cây địa lan Trần mộng xuân.

Bố trí 5 công thức (CT) thí nghiệm, từ CT1 đến CT5, mỗi công thức 3 lần lặp lại.

Pha 1 gam Yogen/lít nước vào bình phun sương có dung tích 1 lít, phun đều lên bề mặt lá từng cây trong các công thức thí nghiệm. Giãn cách số ngày phun thứ tự lần lượt 0, 30, 20, 15 và 7 ngày.

3.3. Nội dung 3: Nghiên cứu ảnh hưởng của việc phun thuốc phòng trị sâu bệnh hại định kỳ đến tình hình sâu bệnh của cây địa lan Trần Mộng Xuân.

Bố trí 5 công thức (CT) thí nghiệm, từ CT1 đến CT5, mỗi công thức 3 lần lặp lại. Pha 1ml Score250 EC + 4g Aliette + 5ml Ha mis su trong 1 lít nước vào bình phun sương có dung tích 1 lít, phun đều lên bề mặt lá các cây trong công thức thí nghiệm. Giãn cách số ngày phun thứ tự lần lượt 0, 30, 20, 15 và 7 ngày.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Nội dung 1: Nghiên cứu ảnh hưởng của loại giá thể (tỷ lệ Dương xỉ và đất mùn núi đá) đến sự sinh trưởng, phát triển của cây địa lan Trần Mộng Xuân.

Kết quả bảng 1 cho thấy sau 7 tháng theo dõi, CT 4 cho số lá cao nhất (10,33); chiều dài lá đạt dài nhất (84,83cm), thời gian đẻ mầm ngắn nhất (81 ngày) và số mầm đẻ được là 7 mầm. Công thức đối chứng (CT1) và các CT còn lại không được bổ sung dương xỉ hoặc bổ sung tỷ lệ thấp hơn hoặc cao hơn đều cho các chỉ tiêu theo dõi về số lá, chiều dài lá và số mầm đẻ được thấp, đồng thời thời gian đẻ mầm dài hơn. Qua đó, ta thấy đối với cây hoa địa lan Trần Mộng Xuân rất thích hợp trồng trên loại giá thể có bổ xung thêm một tỷ lệ nhất định trong đó CT4 được bổ sung dương xỉ + mùn núi đá theo tỷ lệ 3/8 + 3/8 là tốt nhất.

Bảng 1: Ảnh hưởng của loại giá thể (tỷ lệ Dương xỉ và Đất mùn núi đá) đến sự sinh trưởng, phát triển của cây địa lan Trần Mộng Xuân.

Chỉ tiêu theo dõi	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
1. Số lá	6	6	8.33	10.33	8.33
2. Chiều dài lá vút ngọn	55.77	58.4	67.47	84.83	58.63
3. Thời gian đẻ mầm	94	97	92	81	88
4. Số mầm	3.67	3.67	5.33	7	4.33

4.2. Nội dung 2: Nghiên cứu xác định sự ảnh hưởng của thời gian phun phân bón qua lá Yogen (loại 30:10:10) đến sự sinh trưởng và phát triển của cây địa lan Trần Mộng Xuân.

Bảng 2: Ảnh hưởng của thời gian phun phân bón qua lá Yogen (loại 30:10:10) đến sự sinh trưởng và phát triển của cây địa lan Trần Mộng Xuân.

Chỉ tiêu theo dõi	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
1. Số lá	10.67	11.67	13.33	13.67	17.7
2. Chiều dài lá vút ngọn	56.73	58.87	68.03	78.63	91.1
3. Thời gian đẻ mầm	91	92.67	88	88	74
4. Số mầm	3.67	4.33	5.67	4.67	7.67

Kết quả bảng 2 cho thấy sau 7 tháng theo dõi CT5 với thời gian phun phân bón lá Yogen giãn cách là 7 ngày cho các chỉ tiêu theo dõi đạt được cao nhất: số lá 17,7; chiều dài lá 91 cm, thời gian đẻ mầm 74 ngày và số mầm đạt được là 7,67. Các công thức còn lại không được phun phân bón lá Yogen hoặc phun với thời gian giãn cách dài hơn đều cho các chỉ tiêu theo dõi về số lá, chiều dài lá và số mầm đẻ được thấp, có thời gian đẻ mầm dài hơn. Qua đó, ta thấy đối với cây hoa địa lan Trần Mộng Xuân được trồng trên nền giá thể ổn định cộng với việc phun phân bón qua lá sẽ sinh trưởng phát triển mạnh hơn. Trong đó CT 5 với thời gian giãn cách 7 ngày một lần cho kết quả tốt nhất.

4.3. Nội dung 3: Nghiên cứu ảnh hưởng của việc phun thuốc phòng trị sâu bệnh hại định kỳ đến tình hình sâu bệnh của cây địa lan Trần Mộng Xuân.

Bảng 3: Ảnh hưởng của việc phun thuốc phòng trị sâu bệnh hại định kỳ đến tình hình sâu bệnh của cây địa lan Trần Mộng Xuân

Chỉ tiêu theo dõi	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
1. Bệnh thối đen	1.67	1.33	0.67	0.33	0
2. Bệnh thối nõn	0.67	0.33	0	0	0
3. Sâu đục thân	0.33	0.33	0	0	0
4. Nhện trắng	12.66	9.33	6.33	1.33	0

Kết quả bảng 3 cho thấy sau 7 tháng theo dõi thì công thức 5 với thời gian phun thuốc giãn cách là 7 ngày 1 lần cho kết quả là không còn các loại bệnh, các loại sâu đục thân và nhện trắng. CT đối chứng (CT1) và các công thức còn lại không phun thuốc hoặc phun thuốc với thời gian giãn cách giữa hai lần phun dài hơn đều có tỷ lệ bệnh, sâu đục thân và nhện trắng cao hơn. Qua đó ta thấy đối với cây hoa địa lan Trần Mộng Xuân được trồng trên nền giá thể ổn định cộng với việc phun thuốc, trong đó CT5 phun với thời gian giãn cách 7 ngày một lần là tốt nhất.

5. Kết luận.

Qua kết quả của thí nghiệm chúng ta đi đến kết luận sau:

- Đối với cây hoa địa lan Trần Mộng Xuân (*Cymbidium lowianum*) ta nên trồng với loại giá thể có thành phần hỗn hợp bao gồm (3/8 Dương xỉ + 3/8 Đất mùn núi đá + 2/8 Phân chuồng hoai mục + 5 % Phân NPK + 5 % vôi bột) cho kết quả sinh trưởng và phát triển tốt nhất.

- Để cây hoa địa lan Trần Mộng Xuân được sinh trưởng phát triển mạnh nhất và sạch bệnh, chúng ta nên phun phòng trị sâu bệnh định kỳ thường xuyên và có chế độ bón phân qua lá thích hợp. Qua quá trình làm thí nghiệm theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng và các loại sâu bệnh trên cây hoa địa lan chúng tôi thấy việc sử dụng loại phân bón qua lá Yogen phun với thời gian giãn cách 7 ngày 1 lần phun với loại thuốc là 1ml Score 250 EC + 4g Aliette + 5ml hamissu pha trong 1 lít nước phun với thời gian giãn cách 7 ngày một lần cho kết quả tốt nhất./.

Bản tin

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số 3

2010

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. NGUYỄN QUỐC TRỊ

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Biên tập:

Ths. PHẠM THỊ HỒNG LOAN

Phó giám đốc Sở KH&CN

VÕ VIỆT BẮC

Phụ trách phòng Quản lý Công nghệ

Sửa bản in:

HOÀNG VĂN ĐIỆP

DIỄM HẰNG

Phòng Quản lý công nghệ

*Ảnh bìa 1: Nguyễn Ngọc Thắng
(Lào Cai)*

Ảnh bìa 4: TL

*In 200 cuốn, khổ 19x27cm tại Công ty
Cổ phần In và Thương mại Lào Cai,
ĐT: 020.3758666. Giấy phép xuất bản
số: 33/GP-XBBT cấp ngày 17 tháng
12 năm 2009. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 9 năm 2010.*

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
- Một số giải pháp nhằm thúc đẩy KH và CN của Lào Cai phát triển trong giai đoạn 2011 - 2020	1
- Hiệu quả từ đề tài, dự án nghiên cứu khoa học giai đoạn 2006 - 2010 lĩnh vực văn hoá xã hội tỉnh Lào Cai	5
- Một số kết quả quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong giai đoạn 2006 - 2010	8
- Bảo Thắng với hoạt động nghiên cứu Khoa học giai đoạn 2006 - 2010	12
- Một số thành tựu về nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KHCN trong sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010	14
- Ngành nông nghiệp Lào Cai với những kết quả đạt được từ nghiên cứu khoa học và ứng dụng những công nghệ mới trong sản xuất và đời sống giai đoạn 2006 - 2010	18
- Đánh giá kết quả bước đầu thực hiện dự án nâng cao năng lực Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010	21
- Quá trình hình thành và phát triển một nghề mới	24
- Một số kết quả nghiên cứu của đề tài “Nghiên cứu sinh trưởng, phát triển và một số biện pháp kỹ thuật nhân giống hoa anh đào tại huyện Sa Pa - Lào Cai.	26
- Một số kết quả bước đầu của hoạt động xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm chất lượng hàng hoá tỉnh Lào Cai	30
- Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật đối với giống hoa Địa lan Trần Mộng Xuân tại Sa Pa - Lào Cai.	33



Dự án tiếp nhận
công nghệ cá giống
chép lai V1.



Dự án khảo nghiệm
mô hình nuôi ong
Italia tại xã Bảo Hà,
huyện Bảo Yên.



Dự án cải tạo đàn lợn
siêu nạc, xây dựng
mô hình chăn nuôi
theo hướng công
nghiệp tại huyện
Bảo Thắng, Lào Cai.



